

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP – TỰ DO – HẠNH PHÚC

HỒ SƠ NĂNG LỰC
HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG
CÔNG TY TNHH THIÊN TRƯỜNG YÊN BÁI
PHÒNG THÍ NGHIỆM VLXD LAS – XD 63.005

SỔ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH YÊN BÁI
CÔNG TY TNHH THIÊN TRƯỜNG YÊN BÁI

PHẦN I
GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH YÊN BÁI
CÔNG TY TNHH THIÊN TRƯỜNG YÊN BÁI

A. CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ NĂNG LỰC CỦA CÔNG TY

I. Quá trình hình thành

Công ty TNHH Thiên Trường Yên Bái là Công ty chuyên hoạt động trong lĩnh vực giám sát thi công xây dựng các công trình DD&CN, giao thông đường bộ, NN & PTNT.

Công ty được thành lập dựa trên nền tảng về nhân sự đó là: kỹ sư Cầu đường, kiến trúc sư, kỹ sư xây dựng dân dụng, kỹ sư Địa công trình, cử nhân kinh tế... và được trang bị hệ thống máy móc, thiết bị tiên tiến, hiện đại có thể đáp ứng mọi công việc thuộc lĩnh vực hoạt động của Công ty.

Được cấp giấy đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 30/06/2009; thay đổi lần 8 số 5200428602 ngày 17/06/2019 do Sở KH & ĐT tỉnh Yên Bái cấp phép

Trụ sở chính Công ty được đặt tại: Tổ 1, Thị Trấn Yên Bình, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái.

Đại diện theo pháp luật của công ty: Bà **Nguyễn Thị Dụ**, Chủ tịch công ty kiêm giám đốc.

II. Cơ cấu tổ chức của nhà thầu

1. Nhân lực

1.1. Ban giám đốc Công ty:

Chức năng và nhiệm vụ: Toàn quyền điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Triển khai chiến lược kinh doanh của HĐQT, báo cáo và chịu trách nhiệm trước HĐQT về kết quả kinh doanh hàng năm.

1.2. Phòng tài chính, kế toán:

Bao gồm các cán bộ kế hoạch, kế toán, thủ quỹ... Chức năng và nhiệm vụ: giao dịch ký kết hợp đồng, tham mưu ban giám đốc đề lên kế hoạch hoạt động hàng năm cho Công ty, thanh quyết toán và hạch toán những công trình mà Công ty đã thực hiện.

1.3. Phòng kỹ thuật - KCS:

Bao gồm các kỹ sư nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực chuyên môn như: xây dựng Cầu, đường bộ, đường sắt, xây dựng dân dụng và công nghiệp, xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn đã từng tham gia khảo sát, thiết kế, thi công nhiều công trình trên phạm vi cả nước.

Chức năng và nhiệm vụ: tham gia các công trình với tư cách là những kỹ sư giám sát kỹ thuật thiết kế xây dựng công trình đồng thời mọi hồ sơ của Công ty trước khi xuất bản phải được Phòng kỹ thuật cho phép.

1.4. Phòng thí nghiệm Vật liệu Xây dựng – Địa kỹ thuật:

Bao gồm các thí nghiệm viên chuyên ngành giao thông, xây dựng dân dụng và công nghiệp, xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông, đã từng tham gia thí nghiệm nhiều công trình trên phạm vi cả nước. Hiện tại công ty đã liên kết với một số phòng thí nghiệm của các Viện, các Sở ngành chức năng, Trường và một số công ty trong lĩnh vực chuyên môn nên đảm bảo được chất lượng và tiến độ thí nghiệm theo yêu cầu đề ra của công trình.

Bộ phận chuyên gia

Ngoài cơ cấu các phòng như trên, do có mối quan hệ rất tốt với các giảng viên trong trường Đại học GTVT Hà Nội, Đại học Xây dựng Hà Nội, Viện KHCN GTVT. Công ty đã nhận được sự trợ giúp rất tích cực của các Chuyên gia, giảng viên hiện đang giảng dạy, nghiên cứu tại các Viện, trường đó. Khi gặp các công trình khó khăn hoặc cần cập nhật các công nghệ xây dựng mới, phương pháp tính toán mới chúng tôi đều nhận được sự trợ giúp, đào tạo rất kịp thời và bổ ích. Điều này giúp công ty tự tin hơn trong việc xử lý các công trình lớn và phức tạp.

2. Kinh nghiệm trong các lĩnh vực:

Các cán bộ chủ chốt của công ty hiện nay vốn xuất thân và trưởng thành trong môi trường của các trung tâm ứng dụng, trung tâm nghiên cứu tại các trường Đại học GTVT Hà Nội, Đại học Xây dựng Hà Nội, Viện KHCN Giao thông vận tải. Cũng chính vì thế các công trình mà cán bộ công ty tham gia trước đây chính là các công trình do các trung tâm ứng dụng này thực hiện, họ tham gia với vai trò chủ nhiệm đồ án, chủ trì khảo sát, chủ trì thiết kế hoặc thiết kế trực tiếp. Những công trình trong các trung tâm sản xuất khá đa dạng và nhiều khi đòi hỏi những xử lý phức tạp về kỹ thuật. Trưởng thành từ những thực tiễn trước đây giúp các cán bộ của chúng tôi đủ sức gánh vác các công trình hiện nay. Phần phụ lục các công trình đã thực hiện xin nêu vài công trình tiêu biểu mà các cán bộ công ty đã tham gia tại các trung tâm của trường, cũng như một số công trình tiêu biểu hiện tại công ty đang thực hiện.

3. Tài chính:

Vốn điều lệ công ty: **2.000.000.000** đồng - (*Bằng chữ: Hai tỷ đồng chẵn*)

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH YÊN BÁI
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 5200428602

Đăng ký lần đầu: ngày 30 tháng 06 năm 2009

Đăng ký thay đổi lần thứ: 10, ngày 15 tháng 09 năm 2023



1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THIÊN TRƯỜNG YÊN BÁI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Tổ 2, Phường Yên Thịnh, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái, Việt Nam

Điện thoại: 0988.868955

Email:

Fax:

Website:

3. Vốn điều lệ : 2.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Hai tỷ đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu

Họ và tên: NGUYỄN THỊ DUY

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 08/10/1985 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 015185006534

Ngày cấp: 16/08/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Tổ 8, Phường Đồng Tâm, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Tổ 8, Phường Đồng Tâm, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái, Việt Nam

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: NGUYỄN THỊ DƯ

Giới tính: Nữ

Chức danh: Chủ tịch công ty kiêm giám đốc

Sinh ngày: 08/10/1985

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 015185006534

Ngày cấp: 16/08/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật
tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Tổ 8, Phường Đồng Tâm, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái, Việt
Nam

Địa chỉ liên lạc: Tổ 8, Phường Đồng Tâm, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái, Việt
Nam

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
SỐ CHỨNG THỰC 03786 QUYỀN SỐ 03 SCT/BS

Ngày: 17-04-2024



Nguyễn Thị Thanh Thảo



CÔNG CHỨNG VIÊN
Vũ Thị Bích Huệ

BẢN SAO

CHỨNG CHỈ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Số: YEB-00001375

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1325/QĐ-SXD ngày 26/7/2018;
số 328/QĐ-SXD ngày 02/3/2021 của Giám đốc Sở Xây dựng tỉnh Yên Bái)

Tên tổ chức: **CÔNG TY TNHH THIÊN TRƯỜNG YÊN BÁI**

Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: **5200428602**

Ngày cấp (lần đầu): **30/6/2009**

Nơi cấp: **Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái**

Tên người đại diện theo pháp luật:

Ông: Nguyễn Thị Dự

- Giám đốc

Địa chỉ trụ sở chính: **Tổ 1, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái, Việt Nam**

Số điện thoại: **0988.868.955**

- Số fax:

Phạm vi hoạt động xây dựng:

1. Khảo sát xây dựng: Địa hình; địa chất, địa chất thủy văn. **Hạng II**

2. Giám sát thi công xây dựng công trình: DD&CN, Giao thông đường bộ, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. **Hạng III**

3. Thi công xây dựng công trình: DD&CN, Giao thông đường bộ, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Hạ tầng kỹ thuật (Cấp, thoát nước). **Hạng III**

Chứng chỉ này có giá trị đến hết ngày **02/3/2031** và thay thế chứng chỉ số **YEB-00001375** cấp ngày **01/8/2018** của Sở Xây dựng tỉnh Yên Bái.

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
SCT.2482...Quyền số.01...SCT/BS

03-03-2021

Yên Bái, ngày 02 tháng 3 năm 2021

GIÁM ĐỐC



CÔNG CHỨNG VIÊN

Nguyễn Thị Nhật



Nguyễn Lâm Thắng

Số /QĐ – CT

Yên Bái, ngày 01 tháng 6 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH CỦA GIÁM ĐỐC
CÔNG TY TNHH THIÊN TRƯỜNG YÊN BÁI**

Về việc: Thành lập phòng thí nghiệm Vật liệu xây dựng – Địa kỹ thuật

- Căn cứ Luật doanh nghiệp Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
- Căn cứ Nghị định số 62/2017/TT-BXD ngày 25/4/2017 của Bộ xây dựng về việc cấp hướng dẫn hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng
- Căn cứ vào Điều lệ Công ty TNHH Thiên Trường Yên Bái;
- Xét tình hình sản xuất kinh doanh của Doanh nghiệp;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Thành lập phòng thí nghiệm:

Phòng thí nghiệm Vật Liệu Xây Dựng – Địa kỹ thuật

Kể từ ngày 01/6/2019

Điều 2. Trưởng Phòng thí nghiệm chịu trách nhiệm báo cáo công việc theo quy định, chịu trách nhiệm trước Ban Giám đốc Công ty và trước pháp luật về việc thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định tại Điều lệ, quy chế của Công ty TNHH Thiên Trường Yên Bái và các quy định pháp luật có liên quan.

Các cán bộ nhân viên trong Phòng thí nghiệm thực hiện công việc và báo cáo theo chỉ đạo của Trưởng Phòng.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 06 năm 2019 cho đến khi có Quyết định khác về việc này được ban hành. Các Phòng/Ban, các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VP;

**CÔNG TY TNHH THIÊN TRƯỜNG
YÊN BÁI**



GIÁM ĐỐC.
Nguyễn Thị Dự

UBND TỈNH YÊN BÁI
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1925/GCN-SXD

Yên Bái, ngày 11 tháng 10 năm 2024

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Căn cứ Quyết định số 02/2023/QĐ-UBND ngày 28 tháng 2 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng tỉnh Yên Bái;

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

Xét hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Công ty TNHH Thiên Trường Yên Bái; Biên bản kiểm tra, đánh giá Phòng thí nghiệm vật liệu xây dựng - Địa kỹ thuật (LAS-XD 63.005) thuộc Công ty TNHH Thiên Trường Yên Bái ngày 04/10/2024.

CHỨNG NHẬN:

1. Công ty TNHH Thiên Trường Yên Bái.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy phép đầu tư) số: 5200428602, cấp ngày 30/6/2009; đăng ký thay đổi (lần thứ 10) ngày 15/9/2023. Cơ quan cấp: Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Yên Bái.

Địa chỉ: Tổ 2, phường Yên Thịnh, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

Điện thoại: 0988.868.955

Fax:

E-mail: Thientruongyenbai@gmail.com.

Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm vật liệu xây dựng - Địa kỹ thuật.

Địa chỉ đặt phòng thí nghiệm: Tổ 2, phường Yên Thịnh, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số: LAS-XD 63.005.

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

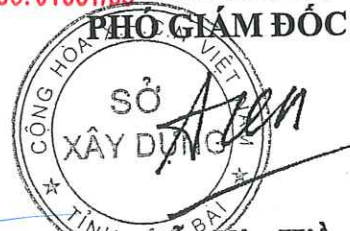
- Bộ Xây dựng (B/c);
- Lãnh đạo Sở;
- Công ty TNHH Thiên Trường Yên Bái;
- Trang TTĐT quản lý HĐTN chuyên ngành xây dựng Bộ Xây dựng;
- Trang TTĐT Sở Xây dựng (Mục TINL HĐXD);
- Lưu: VT, P. QLNN&CLCT.

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

SỐ CHỨNG THỰC 6984.....QUYỀN SỐ: 01SC/2024

Ngày: 14-10-2024

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Hiền

Lai Trung Hiền



DANH MỤC CÁC PHÉP THỬ CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 63.005

(Kèm theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm

chuyên ngành xây dựng số: 1925/GCN-SXD ngày 11 tháng 10 năm 2024
của Sở Xây dựng tỉnh Yên Bái)

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
I	PHÉP THỬ CÁC CHỈ TIÊU CƠ LÝ CỦA BÊ TÔNG XI MĂNG	
1	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106-2022; AASHTO T119; ASTMC143; JIS A 1101
2	Xác định khối lượng thể tích của hỗn hợp bê tông	TCVN 3108-2022; AASHTO T121; ASTMC138; JIS AI 116
3	Xác định độ tách vữa và độ tách nước	TCVN 3109-2022; AASHTO T158; ASTM C232
4	Xác định khối lượng riêng	TCVN 3112-2022; ASTM C127/C128/C642
5	Xác định độ hút nước	TCVN 3113-2022; AASHTO T318; ASTM 127/C128/C642
6	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115-2022; AASHTO T121; ASTM C138/C642
7	Xác định độ co của bê tông	TCVN 3117-2022
8	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118-2022; ASHTOT22/T140/T24; ASTMC39/C42/C40; JIS A1108/A1107
9	Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119:2022; AASHTO T22:10
10	Xác định giới hạn bền kéo dọc trục khi bừa	TCVN 3120:2022
11	Xác định thời gian đông kết của hỗn hợp bê tông	TCVN 9338:2012; AASHTO T197; ASTMC403
II	PHÉP THỬ CÁC CHỈ TIÊU CƠ LÝ CỦA VỮA XÂY DỰNG	
1	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN3121-1:2022

2	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN3121-3: 2022; ASTM C1437
3	Xác định khối lượng thể tích vữa tươi	TCVN3121-6:2022
4	Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đã đóng rắn	TCVN3121-10:2022
5	Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đóng rắn	TCVN3121-11:2022; AASHTO T106; ASTMC109
6	Xác định độ hút nước của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-18:2022
7	Xác định độ chảy	TCVN 9204:2012; ASTM C939
8	Xác định độ co ngót của vữa tươi	ASTM C490
III PHÉP THỬ CÁC CHỈ TIÊU CƠ LÝ CỦA XI MĂNG		
1	Xác định độ mịn	TCVN 13605-2023
2	Xác định khối lượng riêng	TCVN 13605-2023; AASHTO T133
3	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017-15
4	Xác định giới hạn bền uốn và nén	TCVN 6016-11; AASHTO T106; ASTMC109
IV PHÉP THỬ CÁC CHỈ TIÊU CƠ LÝ CỦA CỐT LIỆU DÙNG CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA		
1	Xác định thành phần cỡ hạt và mô đun độ lớn	TCVN 7572-2:06; AASHTO T27; ASTMC136
2	Xác định thành phần thạch học của cốt liệu	TCVN 7572-3:2006.
3	Xác định hàm lượng hạt < 0.075mm bằng phương pháp rửa	AASHTO T1 1; ASTM C117; JIS AI 103
4	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:06; AASHTO T84; ASTMC128; JIS AI 109
5	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN7572-5:06; AASHTO T85; ASTMC127; JIS AI1 10

6	Khối lượng thể tích xốp và độ hồng	TCVN7572-6:06; AASHTO TI9; ASTM C29
7	Xác định độ ẩm	TCVN7572-7:06
8	Xác định hàm lượng bụi, bùn, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:06; AASHTO TI 12
9	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:06; AASHTO T21
10	Xác định cường độ và hệ số hóa mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:06; ASTM D2938
11	Xác định độ nén đập và hệ số hóa mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:06
12	Xác định độ hao mòn khi va đập của cốt liệu lớn (Los Angeles)	TCVN 7572-12:06
13	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn.	TCVN 7572-13:06; BS 812; AASHTO T335
14	Khả năng phản ứng kiềm-silic của cốt liệu	TCVN 7572-14:2006
15	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hóa.	TCVN 7572-17:06; JIS AI 126
16	Xác định hàm lượng Mica.	TCVN 7572-20:06
17	Xác định đương lượng cát (ES).	AASHTO T176; ASTM D2419; JIS AI 801
18	Xác định hàm lượng hạt nhẹ trong cốt liệu.	AASHTO TI 13; ASTM C123
V	PHÉP THỬ CÁC CHỈ TIÊU CƠ LÝ ĐẤT	
1	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:2012; AASHTO T100; ASTMD854
2	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012; AASHTO T265; ASTM D2216; JIS A1203
3	Xác định giới hạn chảy, giới hạn dẻo	TCVN 4197:2012; AASHTO T89/T90; ASTM D4318

4	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:2014; AASHTO T88/T27; ASTMD1140/422/D42/D4718
5	Xác định đầm chặt tiêu chuẩn	TCVN 4201:2012 22TCN 332:2006; AASHTO T99/T180; ASTMD1557/D698/D558
6	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202:2012 ASTM D2937/D4914
7	Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR) trong phòng thí nghiệm	22TCN 332:2006; AASHTO T193; ASTMD1883; JIS A1222
8	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TCVN 4199-1995; AASHTOT236; ASTM D3080
9	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200:2012
10	Xác định hàm lượng hữu cơ của đất	AASHTO T267
VI THÍ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG		
1	Khối lượng thể tích của vật liệu trong lớp kết cấu bằng phương pháp rót cát	22TCN 346-2006; AASHTO TI91
2	Đo dung trọng của vật liệu bằng phương pháp dao đại	TCVN 8729:2012 22 TCN 02:1971; AASHTO T204
3	Xác định độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước dài 3m	TCVN 8864:2011; ASTME950/E1082
4	Xác định mô đun đàn hồi chung của kết cấu bằng cần đo vòng Benkelman	TCVN 8867:2011; AASHTO T256; ASTM D 4685
5	Xác định mô đun đàn hồi của nền đất và các lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp sử dụng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011; AASHTO T221; ASTMD 1195
6	Xác định độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát thử nghiệm, con lắc Anh	TCVN 8866:2011; ASTM E965; AASHTO T28; ASTM E303

7	Cọc - Phương pháp thí nghiệm tại hiện trường bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:2012; ASTM DI 143
8	Đo điện trở đất	TCVN 9385:2012
9	Thử áp lực đường ống sau khi lắp đặt	TCVN 6149:07; TCVN 6041:95
VII PHÉP THỬ CÁC CHỈ TIÊU CƠ LÝ CỦA NHỰA ĐƯỜNG		
1	Xác định độ kim lún	TCVN 7495:2005; ASTM D 5-97
2	Xác định độ kéo dài	TCVN 7496:2005; AASHTO T51; ASTMD113
3	Xác định điểm hoá mềm (dụng cụ vòng và bi)	TCVN 7497:2005; AASHTO T53; ASTMD36; JISK2531
4	Xác định điểm chớp cháy và điểm cháy bằng thiết bị thử cốc hở Cleveland.	TCVN 7498:2005; AASHTO T48; ASTM D92
5	Xác định tổn thất khối lượng sau khi gia nhiệt.	TCVN 7499:2005; AASHTO T47; ASTMD1754; ASTM D6
6	Xác định độ hoà tan trong Tricloetylen.	TCVN 7500:2005; AASHTO T44; ASTM D2042
7	Xác định khối lượng riêng (Phương pháp Pycnometer)	TCVN 7501:2005; AASHTO T228; ASTM D70
8	Xác định độ dính bám với đá.	TCVN 7504:2005; AASHTO T195; ASTMD2489
9	Xác định hàm lượng paraffin bằng phương pháp chưng cất.	TCVN 7503:2005
10	Xác định độ nhớt động học	TCVN 7502:2005
VIII PHÉP THỬ CÁC CHỈ TIÊU CƠ LÝ CỦA NHỰA ĐƯỜNG LỎNG		
1	Xác định nhiệt độ bắt lửa.	TCVN 8818-2:2011; AASHTO T79; ASTM D3143

2	Xác định hàm lượng nước.	TCVN 8818-3:2011; AASHTO T55; ASTM D95
3	Thử nghiệm chung cát.	TCVN 8818-4:2011; AASHTO T78; ASTM D402
4	Xác định độ nhớt tuyệt đối.	TCVN 8818-5:2011; ASTM D2171
IX PHÉP THỬ CÁC CHỈ TIÊU CƠ LÝ CỦA BÊ TÔNG NHỰA		
1	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall.	TCVN 8860-1:2011 AASHTO T245/TI67; ASTM D1559/D6927
2	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy quay li tâm.	TCVN 8860-2:2011 AASHTO T164A; ASTMD2172
3	Xác định thành phần hạt.	TCVN 8860-3:2011; AASHTO T27; ASTMC136
4	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời.	TCVN 8860-4:2011 AASHTO T209; ASTM D2041
5	Xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã đầm nén.	TCVN 8860-5:2011 AASHTO TI66; ASTM D2726
6	Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:2011
7	Xác định độ góc cạnh của cát.	TCVN 8860-7:2011; AASHTO T304
8	Xác định hệ số độ chặt lu lèn.	TCVN 8860-8:2011 AASHTO T230
9	Xác định độ rỗng dư.	TCVN 8860-9:2011 AASHTO T269; ASTM D3203
10	Xác định độ rỗng của cốt liệu.	TCVN 8860-10:2011
11	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa.	TCVN 8860-11:2011
12	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:2011; AASHTO T165
X PHÉP THỬ CÁC CHỈ TIÊU CƠ LÝ CỦA BỘT KHOÁNG CHẤT		
1	Xác định thành phần hạt.	22TCN 58-84; AASHTO T37; ASTM D456

2	Xác định lượng mất khi nung.	22TCN 58-84
3	Xác định hàm lượng nước.	22TCN 58-84
4	Xác định khối lượng riêng của bột khoáng chất.	22TCN 58-84; AASHTO TI 13
5	Xác định khối lượng thể tích và độ rỗng của bột khoáng chất.	22TCN 58-84
6	Xác định độ trương nở thể tích của hỗn hợp bột khoáng và nhựa đường.	22TCN 58-84
7	Xác định khối lượng riêng của hỗn hợp bột khoáng chất và nhựa đường.	22TCN 58-84
8	Xác định chỉ số hàm lượng nhựa của bột khoáng.	22TCN 58-84
XI	PHÉP THỬ CÁC CHỈ TIÊU CƠ LÝ CỦA GẠCH	
1	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan.	TCVN 6355-1:2009
2	Xác định cường độ nén.	TCVN 6355-2:2009
3	Xác định cường độ uốn.	TCVN 6355-3:2009
4	Xác định độ hút nước.	TCVN 6355-4:2009
5	Xác định khối lượng thể tích.	TCVN 6355-5:2009
XII	PHÉP THỬ CÁC CHỈ TIÊU CƠ LÝ CỦA GẠCH BLOCK BÊ TÔNG	
1	Xác định kích thước và mức khuyết tật ngoại quan	TCVN6477:2016
2	Xác định cường độ nén.	TCVN 6477:2016
3	Xác định độ rỗng.	TCVN 6477:2016
4	Xác định độ thấm nước.	TCVN 6477:2016
XIII	PHÉP THỬ CÁC CHỈ TIÊU CƠ LÝ CỦA THÉP	
1	Thử kéo kim loại	TCVN 197:2014; AASHTO T68; ASTM A370; JIS Z2241
2	Thử uốn kim loại	TCVN 198-2008; AASHTO T68; ASTM A370; JIS Z2248
3	Thử kéo bulông	TCVN 1916:95; TCVN 197:02; ASTM A370; AASHTO T68
XIV	THỬ NGHIỆM ỐNG NHỰA	
1	Xác định độ va đập	TCVN 7305:2008

2	Thử độ bền kéo	TCVN 7434:2004
3	Xác định kích thước	TCVN 6145:2007
4	Sự thay đổi theo chiều dọc	TCVN 6148:2007
5	Thử áp suất	TCVN 7305-2008
XV	BÊ TÔNG XI MĂNG	
1	Lấy mẫu, chế tạo và bảo dưỡng	TCVN 3105:2022
2	Xác định độ cứng Vebe	TCVN 3107:2022
3	Xác định hàm lượng bột khí vữa bê tông	TCVN 3111:2022
4	Xác định cường độ lắng trụ và mô đun đàn hồi khi nén tĩnh	TCVN 5726:2022; ASTM C469
XVI	VẬT LIỆU HẠT LIÊN KẾT BẰNG CÁC CHẤT KẾT DÍNH	
1	Xác định cường độ kéo khi ép chèn	TCVN 8862:2011
XVII	VẬT LIỆU CÁT, ĐÁ DẪM (SỎ)	
1	Lấy mẫu	TCVN 7572-1:2006
2	Xác định hàm lượng Clorua (Cl^-)	TCVN 7572-15:2006
3	Xác định hàm lượng Sunfat và Sunfit	TCVN 7572-16:2006
4	Xác định hàm lượng hạt bị đập vỡ	TCVN 7572-18:2006
XVIII	NƯỚC CHO VỮA VÀ BÊ TÔNG	
1	Xác định độ PH.	TCVN 6492:2011
2	Xác định hàm lượng SO_4^{2-}	TCVN 6200:1996
3	Xác định hàm lượng Cl^-	TCVN 6194:1996
4	Xác định hàm lượng cặn không tan	TCVN 4560:2012
5	Xác định hàm lượng chất hữu cơ	TCVN 2671:1978; TCVN 4565:88
6	Xác định hàm lượng muối hòa tan	TCVN 4560:88
7	Xác định nhiệt độ	TCVN 2654:78
XIX	PHÉP THỬ CÁC CHỈ TIÊU NHỮ TƯƠNG NHỰA ĐƯỜNG AXÍT	
1	Xác định độ nhớt Sayboylt Furol	TCVN 8817-2:2011
2	Xác định độ lắng và độ ổn định lưu trữ	TCVN 8817-3:2011
3	Xác định hàm lượng hạt quá cỡ	TCVN 8817-4:2011
4	Xác định điện tích hạt	TCVN 8817-5:2011
5	Xác định độ khử nhũ	TCVN 8817-6:2011
6	Thử nghiệm trộn với xi măng	TCVN 8817-7:2011



7	Xác định độ bám dính và tính chịu nước	TCVN 8817-8:2011
8	Thử nghiệm chưng cất	TCVN 8817-9:2011
9	Xác định độ bay hơi	TCVN 8817-10:2011
10	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 8817-14:2011
11	Xác định độ bám dính với cốt liệu tại hiện trường	TCVN 8817-15:2011
XX	PHÉP THỬ CÁC CHỈ TIÊU CƠ LÝ CỦA GẠCH	
1	Gạch terazo: Xác định kích thước, khuyết tật ngoại quan, độ hút nước, độ bền uốn	TCVN 7744:2013
2	Gạch bê tông tự chèn: Xác định kích thước, khuyết tật ngoại quan, độ hút nước, cường độ nén	TCVN 6476:2011
3	Gạch bê tông nhẹ: Xác định kích thước, khuyết tật ngoại quan, độ hút nước, khối lượng thể tích, cường độ nén	TCVN 9030:2017
4	Gạch xi măng lát nền: Xác định kích thước, khuyết tật ngoại quan, độ hút nước, độ bền uốn, độ cứng lớp mặt	TCVN 6065:1995
XXI	GẠCH GÓM ỐP LÁT, ĐÁ ỐP LÁT TỰ NHIÊN, ĐÁ ỐP LÁT NHÂN TẠO	
1	Gạch gốm ốp lát: Sai lệch kích thước và chất lượng bề mặt, độ hút nước, độ bền uốn và lực uốn gãy, độ cứng vạch bề mặt tính theo thang Mohs	TCVN 6415:2016
2	Đá ốp lát: Xác định kích thước, hình dạng, khuyết tật ngoại quan, độ hút nước, khối lượng thể tích, độ bền uốn, độ cứng vạch bề mặt, độ vuông góc, độ phẳng	TCVN 4732:2016; TCVN 8057:2009
XXII	PHÉP THỬ CÁC CHỈ TIÊU CƠ LÝ CỦA RỌ ĐÁ	
1	Xác định kích thước	TCVN 10335:2014; ASTM A975; ASTM A641
2	Xác định ứng suất bền kéo	ASTM-A370
3	Xác định khối lượng tăng mạ kẽm	ASTM A641; ASTM A90/90M
4	Xác định lực căng mắt lưới, lực liên kết buộc lưới, khả năng chịu chọc thủng lưới	ASTM A975-97

Ghi chú (*): Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.

Số 01 /QĐ – BN

Yên Bái, ngày 01 tháng 03 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH CỦA GIÁM ĐỐC
CÔNG TY TNHH THIÊN TRƯỜNG YÊN BÁI**

Về việc: Bổ nhiệm Trưởng phòng Thí nghiệm

- Căn cứ Luật doanh nghiệp Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
- Căn cứ vào Giấy chứng nhận số: 1925/GCN-SXD ngày 11/10/2024 của Sở xây dựng về việc: Chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng thực hiện các phép thử của phòng thí nghiệm Vật liệu Xây dựng - Địa kỹ thuật thuộc công ty TNHH Thiên Trường Yên Bái mang mã hiệu LAS - XD 63.005.
- Căn cứ vào Điều lệ Công ty TNHH Thiên Trường Yên Bái.
- Xét yêu cầu nhiệm vụ, năng lực cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Nay bổ nhiệm ông Vũ Văn Minh – Kỹ sư – Kỹ thuật xây dựng CTGT giữ chức vụ Trưởng phòng thí nghiệm vật liệu xây dựng - Địa kỹ thuật thuộc Công ty kể từ ngày kí

Điều 2. Trưởng Phòng thí nghiệm vật liệu xây dựng - Địa kỹ thuật có nhiệm vụ:

- Tổ chức, điều hành Phòng Thí nghiệm, thực hiện thí nghiệm theo tiêu chuẩn kỹ thuật của Nhà nước quy định.
- Thực hiện nhiệm vụ của Giám đốc Công ty giao.
- Chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về mọi hoạt động của Phòng thí nghiệm vật liệu xây dựng.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 03 năm 2025 cho đến khi có Quyết định khác về việc này được ban hành. Các Phòng/Ban, các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VP;

CÔNG TY TNHH THIÊN TRƯỜNG



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Dự

PHÒNG THÍ NGHIỆM VLXD

DANH SÁCH CÁN BỘ, NHÂN VIÊN VIÊN PHÒNG THÍ NGHIỆM

T T	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chứng chỉ thí nghiệm viên	Lĩnh vực được cấp chứng chỉ	Lĩnh vực được giao thí nghiệm
1	Vũ Văn Minh	14/04/1983	Số: 28.171.24/V KH-TNXD cấp ngày 16/12/2024 do Viện khoa học công nghệ xây dựng cấp	Quản lý phòng thí nghiệm	Quản lý phòng thí nghiệm
2	Nguyễn Văn Quý	20/2/1985	Số: 1201907002 /VKHCN cấp ngày 27/6/2019 do KHCN về đầu tư và xây dựng tổng hội xây dựng VN cấp	Thử nghiệm tính chất cơ lý của bê tông nhựa	- Thí nghiệm nhựa bitum, nhựa đường lỏng, nhũ tương nhựa đường a xít - Thí nghiệm hiện trường và các công việc thí nghiệm khác của bê tông nhựa
3	Bàn Văn Lợi	03/08/1989	Bằng nghề số: 14 cấp ngày 01/04/2011 do Trường CD nghề GTVT trung ương 1 cấp	Thí nghiệm và Kiểm tra chất lượng cầu đường bộ	- Thí nghiệm tất cả các công việc thí nghiệm trong danh mục được cấp phép của phòng thí nghiệm

4	Tổng Thanh Tùng	06/04/1992	Bằng nghề số: 1350 cấp ngày 28/3/2012 do Trường CĐ nghề GTVT trung ương 1 cấp	Thí nghiệm và Kiểm tra chất lượng cầu đường bộ	- Thí nghiệm tất cả các công việc thí nghiệm trong danh mục được cấp phép của phòng thí nghiệm
5	Triệu Văn Thiêm	02/07/1992	Số: 201901036/ VKHCN cấp ngày 24/5/2019 do Viện KHCN về đầu tư và xây dựng tổng hội xây dựng VN cấp	Thí nghiệm hiện trường kiểm tra tính chất cơ lý của bê tông, đất, cát và đá	- Thí nghiệm xi măng - Thí nghiệm cốt liệu cho bê tông và vữa - Các thí nghiệm ngoài hiện trường
6	Nguyễn Đức Chinh	11/11/1987	Số: 201910020/ VKHCN cấp ngày 5/6/2019 do Viện KHCN về đầu tư và xây dựng tổng hội xây dựng VN cấp	Thử nghiệm tính chất cơ lý của thép xây dựng	- Thí nghiệm cơ lý thép



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Dự

PHÒNG THÍ NGHIỆM VLXD

DANH SÁCH THIẾT BỊ, DỤNG CỤ PHÒNG THÍ NGHIỆM

Mã Hàng hoá	Tên thiết bị - Thông số kỹ thuật	Xuất xứ	S L	ĐVT	Hiện Trạng
T06	THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM THÉP XÂY DỰNG				
T06.005	Máy kéo nén vạn năng 1000KN - LUDA Model:WE-1000B	TQ	1	bộ	Tốt
T08	THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM BÊ TÔNG				Tốt
A	THIẾT BỊ				Tốt
T08.001	Máy nén bê tông 2000 KN	TQ	1	ch	Tốt
T08.029	Khuôn bê tông lập phương 150mm, bằng nhựa	TQ	3	ch	Tốt
T08.043	Khuôn bê tông trụ D150 x 300,thép	VN	3	ch	Tốt
T08.047	Bột capping	VN	3 0	kg	Tốt
T08.052	Côn thử độ sụt bê tông N1 bằng INOX - T.TECH	VN	1	bộ	Tốt
C	THÍ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG - KẾT CẤU CÔNG TRÌNH				Tốt
T08.314	Máy khoan bê tông.	Trung Quốc	4	máy	Tốt
T09	THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM XI MĂNG VỮA, GẠCH XÂY				Tốt
A	THIẾT BỊ				Tốt
T09.013	Dụng cụ VICA - T.TECH Bao gồm: Thân chính gắn thước, thanh dẫn chuẩn, 3 kim chuẩn, khâu chuẩn, tấm kính	VN	1	bộ	Tốt
T09.015	Thùng hấp mẫu xi măng - T.TECH Dung tích: 20 lít; Kích thước thùng: 220x250x380; Điện nguồn: 220V/50Hz, 1,5KW	VN	1	ch	Tốt
T09.019	Bộ gá nén mẫu xi măng 40x40mm	VN	1	bộ	Tốt
T09.020	Bộ gá uốn mẫu xi măng 40x40x160mm	VN	1	bộ	Tốt
T09.021	Khuôn 40x40x160 kép 3,	VN	1	bộ	Tốt
T09.027	Khuôn Le Chatelier	TQ	1 2	ch	Tốt
T09.028	Bình tỷ trọng xi măng có bầu 250ml	TQ	6	ch	Tốt

T09.030	Phiếu xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa xi măng, kèm bình tam giác 1000ml	VN	1	bộ	Tốt
T10	THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM CỐT LIỆU (CÁT-ĐÁ-SỎI)				Tốt
T10.001	Máy thử độ mài mòn Los Angeles-T.TECH; với bộ đếm có thể cài đặt số vòng quay tùy ý và hiển thị số điện tử; kèm 12 viên bi thép tiêu chuẩn, và 1 khay hứng mẫu. Tốc độ quay: 30 - 33vòng/phút;	VN	2	ch	Tốt
T10.005	Bộ xi lanh nén dập đá dăm D150	VN	1	bộ	Tốt
T10.006	Bộ xi lanh nén dập đá dăm D75	VN	1	bộ	Tốt
T10.007	Phiếu xác định độ xốp của đá, không kèm thùng đong	VN	1	ch	Tốt
T10.008	Phiếu xác định độ xốp của cát, không kèm thùng đong	VN	1	ch	Tốt
T10.009	Thùng dung trọng 1 lít(Hộc đong)	VN	1	ch	Tốt
T10.010	Thùng dung trọng 2 lít(Hộc đong)	VN	1	ch	Tốt
T10.011	Thùng dung trọng 3 lít(Hộc đong)	VN	1	ch	Tốt
T10.012	Thùng dung trọng 5 lít(Hộc đong)	VN	1	ch	Tốt
T10.014	Thùng dung trọng 10 lít(Hộc đong)	VN	1	ch	Tốt
T10.016	Thùng dung trọng 15 lít(Hộc đong)	VN	1	ch	Tốt
T10.017	Thùng dung trọng 20 lít(Hộc đong)	VN	1	ch	Tốt
T10.020	Thiết bị xác định hàm lượng sét của đá (Bình rửa đá)	VN	1	ch	Tốt
T10.021	Thiết bị xác định hàm lượng sét của cát (Bình rửa cát)	VN	1	ch	Tốt
T10.022	Bảng màu chuẩn	VN	5	ch	Tốt
T10.023	Dụng cụ hấp phụ nước của cát (Bộ côn chảy hấp phụ nước của cát)	VN	1	bộ	Tốt
T10.025	Bộ xác định đương lượng cát - T.TECH (không kèm máy lắc)	VN	1	bộ	Tốt
	SÀNG THÍ NGHIỆM THÀNH PHẦN HẠT				Tốt
	Bộ sàng cát tiêu chuẩn D200mm (sàng tròn)				Tốt
T10.082	Sàng D200mm, 10,0 mm	TQ	3	ch	Tốt
T10.075	Sàng D200mm, 5,000 mm	TQ	3	ch	Tốt
T10.069	Sàng D200mm, 2,500 mm	TQ	3	ch	Tốt
T10.062	Sàng D200mm, 1,250 mm	TQ	3	ch	Tốt
T10.056	Sàng D200mm, 0,63mm	TQ	3	ch	Tốt
T10.050	Sàng D200mm, 0,315mm	TQ	3	ch	Tốt
T10.042	Sàng D200mm, 0,140 mm	TQ	3	ch	Tốt
	Bộ sàng đất D200mm tiêu chuẩn (sàng tròn)	TQ			Tốt
T10.082	Sàng D200mm, 10,0 mm	TQ	3	ch	Tốt
T10.075	Sàng D200mm, 5,000 mm	TQ	3	ch	Tốt
T10.067	Sàng D200mm, 2,000 mm	TQ	3	ch	Tốt
T10.060	Sàng D200mm, 1,000 mm	TQ	3	ch	Tốt
T10.054	Sàng D200mm, 0,5mm	TQ	3	ch	Tốt

T10.048	Sàng D200mm, 0,25mm	TQ	3	ch	Tốt
T10.040	Sàng D200mm, 0,100 mm	TQ	3	ch	Tốt
	Bộ sàng đá D200mm	TQ			Tốt
T10.102	Sàng D200mm, 75,0 mm	TQ	3	ch	Tốt
T10.099	Sàng D200mm, 60,0 mm	TQ	3	ch	Tốt
T10.098	Sàng D200mm, 50,0 mm	TQ	3	ch	Tốt
T10.096	Sàng D200mm, 40,0 mm	TQ	3	ch	Tốt
T10.093	Sàng D200mm, 30,0 mm	TQ	3	ch	Tốt
T10.091	Sàng D200mm, 25,0 mm	TQ	3	ch	Tốt
T10.089	Sàng D200mm, 20,0 mm	TQ	3	ch	Tốt
T10.086	Sàng D200mm, 15,0 mm	TQ	3	ch	Tốt
T10.082	Sàng D200mm, 10,0 mm	TQ	3	ch	Tốt
T10.075	Sàng D200mm, 5,000 mm	TQ	3	ch	Tốt
T10.070	Sàng D200mm, 3,000 mm	TQ	3	ch	Tốt
	Bộ sàng đá cấp phối D200mm	TQ			Tốt
T10.098	Sàng D200mm, 50,0 mm	TQ	3	ch	Tốt
T10.095	Sàng D200mm, 37,5 mm	TQ	3	ch	Tốt
T10.091	Sàng D200mm, 25,0 mm	TQ	3	ch	Tốt
T10.088	Sàng D200mm, 19,0 mm	TQ	3	ch	Tốt
T10.081	Sàng D200mm, 9,500 mm	TQ	3	ch	Tốt
T10.074	Sàng D200mm, 4,750 mm	TQ	3	ch	Tốt
T10.068	Sàng D200mm, 2,360 mm	TQ	3	ch	Tốt
T10.053	Sàng D200mm, 0,425mm	TQ	3	ch	Tốt
T10.037	Sàng D200mm, 0,075 mm	TQ	3	ch	Tốt
	Bộ sàng cốt liệu BTN D200mm	TQ			Tốt
T10.095	Sàng D200mm, 37,5 mm	TQ	3	ch	Tốt
T10.091	Sàng D200mm, 25,0 mm	TQ	3	ch	Tốt
T10.089	Sàng D200mm, 20,0 mm	TQ	3	ch	Tốt
T10.088	Sàng D200mm, 19,0 mm	TQ	3	ch	Tốt
T10.084	Sàng D200mm, 12,5 mm	TQ	3	ch	Tốt
T10.081	Sàng D200mm, 9,500 mm	TQ	3	ch	Tốt
T10.074	Sàng D200mm, 4,750 mm	TQ	3	ch	Tốt
T10.068	Sàng D200mm, 2,360 mm	TQ	3	ch	Tốt
T10.061	Sàng D200mm, 1,180 mm	TQ	3	ch	Tốt
T10.055	Sàng D200mm, 0,6mm	TQ	3	ch	Tốt
T10.049	Sàng D200mm, 0,3mm	TQ	3	ch	Tốt
T10.043	Sàng D200mm, 0,15mm	TQ	3	ch	Tốt
T10.037	Sàng D200mm, 0,075 mm	TQ	3	ch	Tốt
T11	THÍ NGHIỆM ĐẤT TRONG PHÒNG				Tốt
A	THIẾT BỊ				Tốt
T11.001	Máy nén MARSHALL LWD-3A	VN	1	ch	Tốt
T11.006	Khuôn CBR - T.TECH;	VN	3	bộ	Tốt
T11.007	Đĩa phân cách	VN	1	ch	Tốt
T11.010	Đồng hồ so 10mmx0,01-TQ	TQ	3	ch	Tốt

T11.011	Cung lực 50KN - Dial 0,01mm.	TQ	1	ch	Tốt
T11.012	Bộ thí nghiệm giới hạn dẻo của đất - T.TECH Bao gồm: Tấm kính, bình xịt, 6 cốc ẩm, dao trộn, hộp đựng.	VN	1	bộ	Tốt
T11.014	Thiết bị xác định giới hạn chảy casagrande Gồm: Dụng cụ khía rãnh, dao trộn, bát trộn, hộp đựng	VN	1	ch	Tốt
T11.017	Cối Proctor tiêu chuẩn	VN	2	ch	Tốt
T11.018	Cối Proctor cải tiến	VN	2	ch	Tốt
T11.019	Chày Proctor tiêu chuẩn	VN	2	ch	Tốt
T11.020	Chày Proctor cải tiến	VN	2	ch	Tốt
T12	THÍ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG				Tốt
A	THIẾT BỊ				Tốt
T12.002	Bộ đo E bằng tấm ép tĩnh - T.TECH(Theo tiêu chuẩn mới) Bao gồm: Tấm ép D760; D610; D460; D330mm, tấm tự lựa, kích thủy lực 32 tấn gắn đồng hồ chỉ thị lực, bộ giàn đỡ thiên phân kế, 02 thiên phân kế	VN	1	bộ	Tốt
T12.004	Bộ cân Benkenman - T.TECH Kiểu dáng Châu Âu Tỷ lệ 2:1; làm bằng INOX , rút 3 đoạn, hình thức gọn gàng, dễ sử dụng	VN	1	bộ	Tốt
T12.005	Bộ dao vòng lấy mẫu đất, gồm Chày, Thanh dẫn, 3 lưỡi dao.	VN	2	bộ	Tốt
T12.006	Phễu rót cát hiện trường - T.TECH kèm bình cát chuẩn, tấm dung trọng hiện trường, thùng gỗ-T.TECH	VN	8	bộ	Tốt
T12.009	Thước 3m với thước đo độ võng	TQ	1	bộ	Tốt
	Bộ thí nghiệm nén tĩnh cọc	TQ	2	bộ	Tốt
T15	THÍ NGHIỆM ĐẤT - ĐỊA CHẤT CÔNG TRÌNH				Tốt
T15.001	Máy nén đất tam liên loại thấp áp Kèm PK quả cân, đá thấm, dao cắt, 03 đồng hồ so.	VN	1	ch	Tốt
T15.006	Máy cắt đất 2 tốc độ - TQ; Model: EDJ - 1 (ZJ) Kèm PK: quả cân, hộp cắt, cung lực, đồng hồ	TQ	1	bộ	Tốt
T16	THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM NHỰA - BÊ TÔNG NHỰA				Tốt
A	THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM NHỰA BITUM				Tốt
T16.001	Thiết bị giãn dài nhựa - T.TECH Tốc độ kéo tiêu chuẩn 50,8mm/phút, kéo dài max 1200mm, Động cơ 220V/50Hz. (Chưa kèm khuôn và đế khuôn.)	VN	1	ch	Tốt
T16.002	Khuôn mẫu chuẩn hình số 8 bằng đồng	VN	3	ch	Tốt
T16.003	Đế khuôn đúc mẫu giãn dài nhựa	VN	1	ch	Tốt

T16.006	Thiết bị kim lún nhựa - T.TECH; Đồng hồ chỉ thị 50mm x 0,01 mm; kèm cốc mẫu, cốc bảo ôn giữ nhiệt, 02 kim	VN	1	bộ	Tốt
T16.008	Thiết bị tổn thất khi nung-T.TECH Bao gồm: mô tơ tốc độ chuẩn, giá quay, 9 hộp mẫu.	VN	1	bộ	Tốt
T16.011	Thiết bị hoá mềm nhựa-T.TECH gồm cốc thủy tinh, giá đỡ, 2 bộ khâu, 2 viên bi chuẩn	VN	1	bộ	Tốt
T16.012	Bếp gia nhiệt bằng điện (bếp cách cát): gồm 1 bếp điện đơn+1 khay nhôm.	TQ	2	ch	Tốt
T16.013	Thiết bị thí nghiệm bốc cháy nhựa-T.TECH (không kèm bình ga và van)	VN	1	bộ	Tốt
B	THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM BÊ TÔNG NHỰA				Tốt
T16.104	Cung lực 30 KN - TQ, đồng hồ chỉ thị 10x0,01mm	TQ	1	ch	Tốt
T16.106	Máy ly tâm tách nhựa - T.TECH; Khả năng: 3000g Tốc độ được điều khiển từ 0 - 2800V/phút bằng biến tần - FUJI (HITACHI) - Nhật Điện áp nguồn: 220V/50Hz	VN	2	ch	Tốt
T16.108	Giấy lọc cho ly tâm 3000g, D330	VN	5	hộp	Tốt
T16.112	Bộ đầm mẫu marshall bằng tay Bao gồm: Chày đầm; Thanh dẫn; Thanh đỡ; Đế đầm kèm gá giữ khuôn; Đế gỗ.	VN	2	bộ	Tốt
T16.114	Bộ khuôn marshall đồng bộ	VN	5	bộ	Tốt
T16.119	Bể ôn nhiệt marshall 32 lít, đặt nhiệt độ tùy ý.	VN	1	ch	Tốt
T18	THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM GẠCH				Tốt
T18.001	Bộ gá uốn mẫu gạch xây	VN	1	bộ	Tốt
T18.002	Bộ tấm ép mẫu gạch tự chèn	VN	1	bộ	Tốt
T25	THIẾT BỊ DÙNG CHUNG				Tốt
T25.004	Tủ sấy 300C, 70 lít Model: 101-1;	TQ	1	ch	Tốt
T25.039	Cân điện tử 600g x 0,01 Ohaus Model: TAJ 602	TQ	1	ch	Tốt
T25.055	Cân điện tử 6kg x 0.1g - OHAUS Khả năng : 6kg ± 0.1g Kích thước đĩa cân : 294mm x 226mm Tính năng : cân , đếm , trừ bì Nguồn điện : 220V , Adaptor	TQ	1	ch	Tốt
T25.059	Cân điện tử 15kg x 0.5g - OHAUS Khả năng : 15kg ± 0.5g Kích thước đĩa cân : 294mm x 226mm Tính năng : cân , đếm , trừ bì Nguồn điện : 220V , Adaptor	TQ	1	ch	Tốt
T25.211	Bát sứ D80mm	TQ	1	ch	Tốt
T25.416	Bình khối lượng riêng 1000ml (Bình tam giác cổ rộng)	VN	1	ch	Tốt

T25.417	Bình khối lượng riêng 2000ml (Bình tam giác cổ rộng)	VN	1	ch	Tốt
T25.217	Bình tỷ trọng đất 100ml	TQ	1 2	ch	Tốt
T25.223	Bình tam giác 500ml	TQ	2	ch	Tốt
T25.224	Bình tam giác 1000ml	TQ	2	ch	Tốt
T25.241	Bình hút âm D240mm, bằng thủy tinh	TQ	1	ch	Tốt
T25.251	Bình hút chân không D240mm, thủy tinh	TQ	1	ch	Tốt
T25.300	Cối chày sứ D150mm	TQ	1	bộ	Tốt
T25.301	Cối chày đồng	VN	1	bộ	Tốt
T25.303	Chày cao su	VN	1	ch	Tốt
T25.352	Hộp nhôm D55x35	TQ	1 2	ch	Tốt
T25.415	Nhiệt kế điện tử Model: TP101. Khoảng đo từ -50 đến 300 độ C	TQ	1	ch	Tốt
T25.401	Nhiệt kế kim loại 100C	HQ	1	ch	Tốt
T25.421	Ống đong thủy tinh 50ml	TQ	2	ch	Tốt
T25.422	Ống đong thủy tinh 100ml	TQ	2	ch	Tốt
T25.424	Ống đong thủy tinh 250ml	TQ	2	ch	Tốt
T25.425	Ống đong thủy tinh 500ml	TQ	2	ch	Tốt
T25.426	Ống đong thủy tinh 1000ml	TQ	2	ch	Tốt
T25.540	Bơm chân không 650mmhg	TQ	1	ch	Tốt
T25.541	Ống cao su	VN	2	m	Tốt
T25.542	Đồng hồ áp	TQ	1	ch	Tốt
T25.543	Van đồng cho hút chân không	TQ	1	ch	Tốt
T25.571	Rọ cân thủy tĩnh	VN	1	ch	Tốt

Giám đốc



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Dự

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: 83/2024/HĐKT

- Căn cứ Luật thương mại sửa đổi số 36/2005/QH11 do Quốc hội thông qua ngày 14 tháng 06 năm 2005;
- Căn cứ Bộ luật dân sự sửa đổi số 33/2005/QH11 do Quốc hội thông qua ngày 14 tháng 06 năm 2005;
- Căn cứ vào Nghị định số 57/CP ngày 31/07/1999 của Chính phủ về hướng dẫn chi tiết thi hành Luật Thương mại;
- Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của hai bên;

Hôm nay, ngày 14 tháng 05 năm 2024, tại Hà Nội, chúng tôi gồm:

BÊN A: CÔNG TY TNHH THIÊN TRƯỜNG YÊN BÁI

Địa chỉ: Tổ 2, phường Yên Thịnh, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

MST: 5200428602

Tài khoản: 37110000123691 tại Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Yên Bái

Do Bà: **Nguyễn Thị Dụ** - Giám Đốc - làm đại diện.

BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ KIỂM ĐỊNH AN PHÁT

Địa chỉ: Km số 9, đường 72, xã Cộng Hòa, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội.

MST: 0108673258

Số TK: 22210003964388 Tại Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Thanh Xuân

Do Ông: **Nguyễn Văn Linh** - Phó Tổng Giám đốc - làm đại diện

Cùng nhau thương thảo, đi đến thống nhất ký kết Hợp đồng kinh tế với các điều khoản như sau:

Điều 1: Hàng hoá (thiết bị và vật tư), giá cả

Bên A đồng ý mua, Bên B đồng ý bán các thiết bị, vật tư theo danh mục sau:

STT	TÊN THIẾT BỊ - THÔNG SỐ KỸ THUẬT	Xuất xứ	SL	ĐVT	Đơn giá (VNĐ)	VAT %	Thành tiền (VNĐ)
1	Máy kiểm tra độ bền kéo, độ bền uốn của thép 1000kN (Tặng kèm bộ gối uốn thép) Hãng sản xuất: LS LUDA Model: WE-1000B Lực kiểm tra tối đa (kN): 1000 Phạm vi đo lường (kN): 100~1000 Sai số: ±1% Khoảng cách kéo (mm): 690 Không gian nén (mm): 620 Đường kính kẹp mẫu phẳng (mm): 0-40 Đường kính kẹp mẫu tròn (mm): 20-60. Hành trình piston làm việc (mm): 180 Kích thước thớt nén trên và dưới (mm): Φ220×Φ230 Công suất động cơ (Kw): 1.2 Công suất bơm dầu (Kw): 0.6 Tổng công suất: 1.8 Kw Điện áp: AC220V±10%,50Hz Kích thước máy chính (mm): 940×650×2080 Kích thước bộ điều khiển(mm): 530×500×1270 Trọng lượng (kg): 2400 Tiếng ồn hoạt động (dB): ≤75	TQ	1	chiếc	167,000,000	10	183,700,000



Bao gồm: Khung máy chính và bộ điều khiển, 1 thớt nén dưới, 1 thớt nén trên, 4 má kẹp cho thép phẳng 0-40mm; 4 má kẹp cho thép tròn 20-40mm; 4 má kẹp cho thép tròn 40-60mm; 01 bộ giá đỡ gối uốn dưới; tuy ô thủy lực.						
TỔNG CỘNG						183,700,000

Tổng giá trị hợp đồng:

183,700,000

Bằng chữ : Một trăm tám mươi ba triệu, bảy trăm nghìn đồng chẵn).!.

Giá trên là giá đã bao gồm:Thuế VAT , chi phí hiệu chuẩn tại bên bán, chi phí vận chuyển bàn giao tại phòng thí nghiệm Bên A.

Điều 2: Chất lượng, quy cách thiết bị và bảo hành:

- Thiết bị mới 100%, đảm bảo chất lượng và phù hợp với Tiêu chuẩn của Việt Nam hoặc tiêu chuẩn ASTM hoặc tiêu chuẩn AASHTO.
- Thiết bị được bảo hành miễn phí 12 tháng do lỗi của nhà sản xuất tại phòng TN bên A.

Điều 3: Thời gian và địa điểm bàn giao lắp đặt:

- Thời gian giao hàng: Hàng được giao trong vòng 01 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực thi hành và bên B nhận được tiền đặt cọc của bên A.
- Địa điểm bàn giao và lắp đặt thiết bị: Thành phố Yên Bái.

Điều 4: Phương thức thanh toán:

Bên A thanh toán chuyển khoản cho bên B tại các thời điểm như sau:

- + Lần 1 đặt hàng: Bên A đặt cọc cho bên B 100,000,000 VNĐ (*Một trăm triệu đồng chẵn*) ngay sau khi Hợp đồng được ký bởi hai bên.
- + Lần 2 thanh toán: Bên A thanh toán cho bên B 83,700,000 VNĐ (*Tám mươi ba triệu, bảy trăm nghìn đồng chẵn*) ngay sau khi bên B thực hiện xong công tác giao hàng, nghiệm thu, chạy thử tại phòng thí nghiệm của bên A. Ngay sau khi bên B nhận đủ số tiền theo hợp đồng bên B có trách nhiệm xuất hóa đơn VAT cho bên A.

Điều 5: Điều khoản thưởng phạt:

- + Nếu Bên B bàn giao thiết bị chậm so với tiến độ quy định của Hợp đồng thì Bên B phải chịu phạt 1%/tuần đối với số thiết bị còn thiếu.
- + Nếu Bên A thanh toán tiền chậm so với tiến độ quy định của Hợp đồng thì Bên A phải chịu phạt 1%/tuần đối với số tiền thanh toán chậm.

Điều 6: Các điều khoản chung

Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh hợp đồng này và không bên nào được hủy Hợp đồng nếu chưa có sự đồng ý bên kia bằng văn bản.

Trong mọi trường hợp xảy ra, thì bên A phải chịu trách nhiệm hoàn toàn với bên B và ngược lại về quyền lợi của Hợp đồng và chịu trách nhiệm trước Pháp luật.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng nếu có gì cần sửa đổi bổ sung, hai bên sẽ thảo luận và thống nhất với nhau trên tinh thần hợp tác để giải quyết.

Trong trường hợp không đi đến thống nhất sẽ đưa ra Tòa án kinh tế TP.Hà nội giải quyết. Mọi phán xét của Tòa án kinh tế TP.Hà nội là điều bắt buộc thi hành đối với cả 2 bên.

Hợp đồng này lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản, có giá trị như nhau và có hiệu lực kể từ ngày ký.

Hợp đồng sẽ được thanh lý sau khi hai bên cùng hoàn tất các thủ tục thanh toán.

ĐẠI DIỆN BÊN A



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Dự

ĐẠI DIỆN BÊN B



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Linh

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

BIÊN BẢN BÀN GIAO



Căn cứ vào Hợp đồng kinh tế số 83/2024/HĐKT ký ngày 14 tháng 05 năm 2024 giữa Công ty TNHH Thiên Trường Yên Bái với Công ty cổ phần thiết bị kiểm định An Phát.
Hôm nay, ngày tháng 05 năm 2024, chúng tôi gồm có:

BÊN A: CÔNG TY TNHH THIÊN TRƯỜNG YÊN BÁI

Địa chỉ: Tổ 2, phường Yên Thịnh, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái
MST: 5200428602

Tài khoản: 37110000123691 tại Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Yên Bái

Do Ông: - làm đại diện.

BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ KIỂM ĐỊNH AN PHÁT

Địa chỉ: Km số 9, đường 72, xã Cộng Hòa, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội.
MST: 0108673258

Số TK: 22210003964388 Tại Ngân hàng BIDV- Chi nhánh Thanh Xuân

Do Ông: - Cán bộ kỹ thuật - làm đại diện

Cùng nhau kiểm tra, xác nhận hàng hoá do Bên B bàn giao cho Bên A v với các điều khoản như sau:

Điều 1: Bàn giao hàng hoá thiết bị:

STT	Tên thiết bị - Thông số kỹ thuật	XX	SL	ĐVT	Ghi chú
1	Máy kiểm tra độ bền kéo, độ bền uốn của thép 1000kN (Tặng kèm bộ gối uốn thép) Hãng sản xuất: LS LUDA Model: WE-1000B Lực kiểm tra tối đa (kN): 1000 Phạm vi đo lường (kN): 100~1000 Sai số: ±1% Khoảng cách kéo (mm): 690 Không gian nén (mm): 620 Đường kính kẹp mẫu phẳng (mm): 0-40 Đường kính kẹp mẫu tròn (mm): 20-60. Hành trình piston làm việc (mm): 180 Kích thước thốt nén trên và dưới (mm): Φ220×Φ230 Công suất động cơ (Kw): 1.2 Công suất bơm dầu (Kw): 0.6 Tổng công suất: 1.8 Kw Điện áp: AC220V±10%,50Hz Kích thước máy chính (mm): 940×650×2080 Kích thước bộ điều khiển(mm): 530×500×1270 Trọng lượng (kg): 2400 Tiếng ồn hoạt động (dB): ≤75 Bao gồm: Khung máy chính và bộ điều khiển, 1 thốt nén dưới, 1 thốt nén trên, 4 má kẹp cho thép phẳng 0-40mm; 4 má kẹp cho thép tròn 20-40mm; 4 má kẹp cho thép tròn 40-60mm; 01 bộ giá đỡ gối uốn dưới; tùy ô thủy lực.	TQ	1	cái	



- Tình trạng hàng hoá: Thiết bị mới 100%, đảm bảo chất lượng và đúng chủng loại
- Hàng hoá được bảo hành 12 tháng kể từ ngày bàn giao và nghiệm thu.

- Bên B đã bàn giao, Bên A đã nhận đủ và đúng chủng loại số hàng hoá trên theo đúng nội dung Hợp đồng kinh tế số 83/2024/HĐKT. Thiết bị đã được kiểm tra, chạy thử, hoạt động tốt khi bàn giao.

- Bên B đã lắp đặt, chuyển giao công nghệ và hoàn thành các trách nhiệm của mình theo Hợp đồng kinh tế trên.

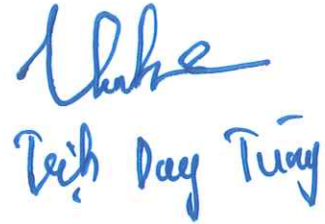
Điều 2: Kết luận:

- Biên bản bàn giao thiết bị được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị như nhau và có hiệu lực kể từ ngày ký.

ĐẠI DIỆN BÊN A



ĐẠI DIỆN BÊN B



Trịnh Day Tung





HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

Ngày 17 tháng 05 năm 2024

Ký hiệu: 1C24TPA

Số: 510

Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ KIỂM ĐỊNH AN PHÁT

Mã số thuế: 0108673258

Địa chỉ: Km số 9, đường 72, Xã Cộng Hòa, Huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0933913888

Số tài khoản: 22210003964388

Ngân hàng: TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam-CN Thanh Xuân

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH THIÊN TRƯỜNG YÊN BÁI

Mã số thuế: 5200428602

Địa chỉ: Tổ 2, Phường Yên Thịnh, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái, Việt Nam

Số tài khoản:

Ngân hàng:

Hình thức thanh toán: TM/CK

Ghi chú:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế suất	Tiền thuế	Thành tiền sau thuế
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5	7	8 = 6 x 7	9 = 6 + 8
1	Máy kiểm tra độ bền kéo, độ bền uốn của thép dùng trong phòng thí nghiệm, Model: WE-1000B	Chiếc	1	167.000.000	167.000.000	10%	16.700.000	183.700.000
Cộng tiền hàng hóa, dịch vụ:					167.000.000		16.700.000	183.700.000
Tổng cộng tiền thanh toán:								

Số tiền viết bằng chữ: Một trăm tám mươi ba triệu bảy trăm nghìn đồng

Tổng tiền không chịu thuế:

Tổng tiền chịu thuế 0%:

Tổng tiền chịu thuế 5%:

Tổng tiền chịu thuế 8%:

Tổng tiền chịu thuế 10%: 167.000.000

Tổng tiền thuế GTGT 5%:

Tổng tiền thuế GTGT 8%:

Tổng tiền thuế GTGT 10%: 16.700.000

Người mua hàng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Signature valid

Ký bởi CÔNG TY CỔ PHẦN
THIẾT BỊ KIỂM ĐỊNH AN PHÁT

Ký ngày 17/05/2024

Mã của cơ quan thuế: 007F80FF80EFE049B88C1AD03DAEB0E8A5

Đơn vị cung cấp dịch vụ Hóa đơn điện tử: Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel), MST: 0100109106
Tra cứu hóa đơn điện tử tại Website: <https://vinvoice.viettel.vn/utilities/invoice-search>. Mã số bí mật: 04MPBPNUUIPK29N

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: 83/2024/HĐKT

- Căn cứ Luật thương mại sửa đổi số 36/2005/QH11 do Quốc hội thông qua ngày 14 tháng 06 năm 2005;
- Căn cứ Bộ luật dân sự sửa đổi số 33/2005/QH11 do Quốc hội thông qua ngày 14 tháng 06 năm 2005;
- Căn cứ vào Nghị định số 57/CP ngày 31/07/1999 của Chính phủ về hướng dẫn chi tiết thi hành Luật Thương mại;
- Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của hai bên;

Hôm nay, ngày 14 tháng 05 năm 2024, tại Hà Nội, chúng tôi gồm:

BÊN A: CÔNG TY TNHH THIÊN TRƯỜNG YÊN BÁI

Địa chỉ: Tổ 2, phường Yên Thịnh, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

MST: 5200428602

Tài khoản: 37110000123691 tại Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Yên Bái

Do Bà: **Nguyễn Thị Dự** - Giám Đốc - làm đại diện.

BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ KIỂM ĐỊNH AN PHÁT

Địa chỉ: Km số 9, đường 72, xã Cộng Hòa, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội.

MST: 0108673258

Số TK: 22210003964388 Tại Ngân hàng BIDV- Chi nhánh Thanh Xuân

Do Ông: **Nguyễn Văn Linh** - Phó Tổng Giám đốc - làm đại diện

Cùng nhau thương thảo, đi đến thống nhất ký kết Hợp đồng kinh tế với các điều khoản như sau:

Điều 1: Hàng hoá (thiết bị và vật tư), giá cả

Bên A đồng ý mua, Bên B đồng ý bán các thiết bị, vật tư theo danh mục sau:

STT	TÊN THIẾT BỊ - THÔNG SỐ KỸ THUẬT	Xuất xứ	SL	ĐVT	Đơn giá (VNĐ)	VAT %	Thành tiền (VNĐ)
1	Máy kiểm tra độ bền kéo, độ bền uốn của thép 1000kN (Tặng kèm bộ gối uốn thép) Hãng sản xuất: LS LUDA Model: WE-1000B Lực kiểm tra tối đa (kN): 1000 Phạm vi đo lường (kN): 100~1000 Sai số: ±1% Khoảng cách kéo (mm): 690 Không gian nén (mm): 620 Đường kính kẹp mẫu phẳng (mm): 0-40 Đường kính kẹp mẫu tròn (mm): 20-60. Hành trình piston làm việc (mm): 180 Kích thước thốt nén trên và dưới (mm): Φ220×Φ230 Công suất động cơ (Kw): 1.2 Công suất bơm dầu (Kw): 0.6 Tổng công suất: 1.8 Kw Điện áp: AC220V±10%,50Hz Kích thước máy chính (mm): 940×650×2080 Kích thước bộ điều khiển(mm): 530×500×1270 Trọng lượng (kg): 2400 Tiếng ồn hoạt động (dB): ≤75	TQ	1	chiếc	167,000,000	10	183,700,000

Bao gồm: Khung máy chính và bộ điều khiển, 1 thớt nén dưới, 1 thớt nén trên, 4 má kẹp cho thép phẳng 0-40mm; 4 má kẹp cho thép tròn 20-40mm; 4 má kẹp cho thép tròn 40-60mm; 01 bộ giá đỡ gối uốn dưới; tùy ô thủy lực.						
TỔNG CỘNG						183,700,000

Tổng giá trị hợp đồng:

183,700,000

Bằng chữ : Một trăm tám mươi ba triệu, bảy trăm nghìn đồng chẵn).!.

Giá trên là giá đã bao gồm:Thuế VAT , chi phí hiệu chuẩn tại bên bán, chi phí vận chuyển bàn giao tại phòng thí nghiệm Bên A.

Điều 2: Chất lượng, quy cách thiết bị và bảo hành:

- Thiết bị mới 100%, đảm bảo chất lượng và phù hợp với Tiêu chuẩn của Việt Nam hoặc tiêu chuẩn ASTM hoặc tiêu chuẩn AASHTO.
- Thiết bị được bảo hành miễn phí 12 tháng do lỗi của nhà sản xuất tại phòng TN bên A.

Điều 3: Thời gian và địa điểm bàn giao lắp đặt:

- Thời gian giao hàng: Hàng được giao trong vòng 01 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực thi hành và bên B nhận được tiền đặt cọc của bên A.
- Địa điểm bàn giao và lắp đặt thiết bị: Thành phố Yên Bái.

Điều 4: Phương thức thanh toán:

Bên A thanh toán chuyển khoản cho bên B tại các thời điểm như sau:

- + Lần 1 đặt hàng: Bên A đặt cọc cho bên B 100,000,000 VNĐ (*Một trăm triệu đồng chẵn*) ngay sau khi Hợp đồng được ký bởi hai bên.
- + Lần 2 thanh toán: Bên A thanh toán cho bên B 83,700,000 VNĐ (*Tám mươi ba triệu, bảy trăm nghìn đồng chẵn*) ngay sau khi bên B thực hiện xong công tác giao hàng, nghiệm thu, chạy thử tại phòng thí nghiệm của bên A. Ngay sau khi bên B nhận đủ số tiền theo hợp đồng bên B có trách nhiệm xuất hóa đơn VAT cho bên A.

Điều 5: Điều khoản thưởng phạt:

- + Nếu Bên B bàn giao thiết bị chậm so với tiến độ quy định của Hợp đồng thì Bên B phải chịu phạt 1%/tuần đối với số thiết bị còn thiếu.
- + Nếu Bên A thanh toán tiền chậm so với tiến độ quy định của Hợp đồng thì Bên A phải chịu phạt 1%/tuần đối với số tiền thanh toán chậm.

Điều 6: Các điều khoản chung

Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh hợp đồng này và không bên nào được huỷ Hợp đồng nếu chưa có sự đồng ý bên kia bằng văn bản.

Trong mọi trường hợp xảy ra, thì bên A phải chịu trách nhiệm hoàn toàn với bên B và ngược lại về quyền lợi của Hợp đồng và chịu trách nhiệm trước Pháp luật.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng nếu có gì cần sửa đổi bổ sung, hai bên sẽ thảo luận và thống nhất với nhau trên tinh thần hợp tác để giải quyết.

Trong trường hợp không đi đến thống nhất sẽ đưa ra Toà án kinh tế TP.Hà nội giải quyết. Mọi phán xét của Toà án kinh tế TP.Hà nội là điều bắt buộc thi hành đối với cả 2 bên.

Hợp đồng này lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản, có giá trị như nhau và có hiệu lực kể từ ngày ký.

Hợp đồng sẽ được thanh lý sau khi hai bên cùng hoàn tất các thủ tục thanh toán.

ĐẠI DIỆN BÊN A



GIÁM ĐỐC.
Nguyễn Thị Dự

ĐẠI DIỆN BÊN B



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Linh

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

Ngày 17 tháng 10 năm 2023

Ký hiệu: 1C23TPA
Số: 335

Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ KIỂM ĐỊNH AN PHÁT

Mã số thuế: 0108673258

Địa chỉ: Km số 9, đường 72, Xã Cộng Hòa, Huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0933913888

Số tài khoản: 22210003964388

Ngân hàng: TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam-CN Thanh Xuân

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH THIÊN TRƯỜNG YÊN BÁI

Mã số thuế: 5200428602

Địa chỉ: Tổ 2, Phường Yên Thịnh, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái, Việt Nam

Số tài khoản:

Ngân hàng:

Hình thức thanh toán: TM/CK

Ghi chú:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế suất	Tiền thuế	Thành tiền sau thuế
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5	7	8 = 6 x 7	9 = 6 + 8
1	Thiết bị kim lún nhựa tự động Model: IV-2000	Chiếc	1	10.000.000	10.000.000	10%	1.000.000	11.000.000
2	Thiết bị tổn thất khi nung - VN	Chiếc	1	2.000.000	2.000.000	10%	200.000	2.200.000
3	Thiết bị đo độ giãn dài nhựa đường - TQ Model: SY-1,5	Chiếc	1	15.000.000	15.000.000	10%	1.500.000	16.500.000
4	Bơm thử áp lực nước đường ống	Chiếc	1	2.500.000	2.500.000	8%	200.000	2.700.000
5	Máy nén đất tam liên trung áp - TQ Model: WC-3B (WG-3B)	Chiếc	1	22.500.000	22.500.000	10%	2.250.000	24.750.000
6	Máy cắt đất đa tốc độ - TQ Model: ZJ-1A (EDJ - 1M)	Chiếc	1	19.000.000	19.000.000	10%	1.900.000	20.900.000
Cộng tiền hàng hóa, dịch vụ:					71.000.000		7.050.000	78.050.000
Tổng cộng tiền thanh toán:								

Số tiền viết bằng chữ: Bảy mươi tám triệu không trăm năm mươi nghìn đồng

Tổng tiền không chịu thuế:

Tổng tiền chịu thuế 0%:

Tổng tiền chịu thuế 5%:

Tổng tiền chịu thuế 8%: 2.500.000

Tổng tiền chịu thuế 10%: 68.500.000

Tổng tiền thuế GTGT 5%:

Tổng tiền thuế GTGT 8%: 200.000

Tổng tiền thuế GTGT 10%: 6.850.000

Người mua hàng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Signature valid

Ký bởi CÔNG TY CỔ PHẦN
THIẾT BỊ KIỂM ĐỊNH AN PHÁT
Ký ngày 17/10/2023

Đơn vị cung cấp dịch vụ Hóa đơn điện tử: Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel), MST: 0100109106
Tra cứu hóa đơn điện tử tại Website: <https://vinvoice.viettel.vn/utilities/invoice-search>. Mã số bí mật: SSZH0QBPC0H29SC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: *M* 2019/HĐKT

Căn cứ Bộ luật Dân sự - Luật số: 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Bộ luật Thương mại – Luật số: 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005 của Quốc Hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ các Bộ luật của Quốc Hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và các Nghị định, Thông tư, văn bản có liên quan;

Căn cứ nhu cầu và khả năng, quyền hạn của mỗi Bên.

Hôm nay, ngày 01 tháng 06 năm 2019, chúng tôi gồm:

Bên mua (gọi là bên A): CÔNG TY TNHH THIÊN TRƯỜNG YÊN BÁI

Đại diện : Bà Nguyễn Thị Dư Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ : Tổ 1, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.

Mã số thuế : 5200428602

Điện thoại : 0988 868 955

Số TK : 3711 0000 123691

Tại : Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam – CN Yên Bái

Bên bán (gọi là bên B): CÔNG TY TNHH TÀI PHÁT TOÀN CẦU.

Đại diện : Bà Phạm Hoàng Hà Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ : Số 9B, ngõ Thái Lợi, phố Bạch Mai, phường Bạch Mai, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

Mã số thuế : 0106355394

Điện thoại : 0913588608; Email: nxbinh.ibst@gmail.com

Số TK : 12110000248564

Tại : tại Ngân hàng Đầu tư phát triển Việt Nam (BIDV) - CN Hai Bà Trưng.

HAI BÊN THỐNG NHẤT KÝ KẾT HỢP ĐỒNG KINH TẾ

VỚI CÁC NỘI DUNG, ĐIỀU KHOẢN, ĐIỀU KIỆN SAU:

Điều 1- Đối tượng hợp đồng (hàng hóa và giá trị hàng hóa):

Bên B đồng ý bán (cung cấp) cho bên A hàng hóa là: máy, thiết bị thí nghiệm đồng bộ, nguyên chiếc, mới 100% để thí nghiệm vật liệu xây dựng, cụ thể như sau: (Phụ lục 01 kèm theo);

Điều 2- Giá trị hợp đồng:

- Tổng trị giá hợp đồng là: 119.309.000 VNĐ (*Một trăm mười chín triệu, ba trăm linh chín đồng*)

*Trong đó:

+ Giá trị trên đã bao gồm toàn bộ các loại thuế có liên quan (thuế GTGT, thuế nhập khẩu (nếu có),...) theo quy định hiện hành của Nhà nước.

+ Giá trị trên đã bao gồm toàn bộ các chi phí có liên quan (chi phí vận chuyển, bảo hành, ...) đảm bảo máy, thiết bị được đưa vào sử dụng đúng theo quy định hiện hành của Nhà nước và Hợp đồng kinh tế này.

Điều 3- Chất lượng, quy cách hàng hóa và bảo hành:

- Toàn bộ hàng hóa (Máy, thiết bị, dụng cụ) mới 100%, đồng bộ, đúng quy cách và xuất xứ đã nêu tại Điều 1, đảm bảo chất lượng và phù hợp với Tiêu chuẩn của Việt Nam.

- Cân điện tử, Súng thử cường độ bê tông được Bên B bảo hành miễn phí trong 12 (mười hai) tháng do lỗi của nhà sản xuất. Tủ sấy, Máy khoan lấy mẫu bê tông được Bên B bảo hành miễn phí trong 6 (sáu) tháng do lỗi của nhà sản xuất.

- Mọi chi phí liên quan do bên B chịu chi trả hoàn toàn.

Điều 4- Thời gian, địa điểm giao hàng và phương thức giao hàng:

- Toàn bộ hàng hóa (Máy, thiết bị) được bàn giao tại địa chỉ của Bên A nêu trong hợp đồng này. Trong vòng tối đa là 07 (bảy) ngày kể từ khi Bên A chuyển tiền tạm ứng hợp đồng cho bên B, bên B phải hoàn thành trách nhiệm giao hàng hóa cho bên A đảm bảo đúng chất lượng, đủ số lượng theo Hợp đồng này và quy định nhà nước.

- Phương thức giao hàng: Trực tiếp.

Điều 5- Phương thức, thời gian tạm ứng, thanh toán và trách nhiệm bồi thường chậm thanh toán:

- Bên A tạm ứng, thanh toán cho bên B bằng chuyển khoản theo tài khoản ghi trên Hợp đồng này.

- Đồng tiền sử dụng: Việt Nam đồng (VNĐ).

- Bên A sẽ chuyển khoản cho bên B thành 02 (hai) đợt:

+ Đợt 1: Bên A tạm ứng hợp đồng cho bên B số tiền bằng 50% tổng giá trị hợp đồng ngay sau khi Hợp đồng được hai Bên ký kết, (tùy thuộc vào thời điểm bên A nhận được Hợp đồng bên B đã ký).

+ Đợt 2: Vào ngày làm việc và giờ hành chính, trong khi Bên B thực hiện hoàn tất các công việc tập kết, giao hàng và bản gốc hóa đơn GTGT cho bên A xong, Bên A sẽ chuyển khoản (thanh toán) giá trị còn lại cho bên B. Nếu bên A chậm tiến độ thanh toán đợt 2 sẽ phải bồi thường cho bên B 5% (năm phần trăm) tổng giá trị Hợp đồng cho 01 (một) ngày làm việc chậm thanh toán. Số tiền bồi thường được tính trên tổng số ngày chậm thanh toán.

Điều 6- Tiến độ thực hiện hợp đồng và trách nhiệm bồi thường Hợp đồng:

- Bên B hoàn tất các trách nhiệm theo Hợp đồng này trong vòng tối đa 07 (bảy) ngày, kể từ khi Hợp đồng được ký kết và Bên A chuyển tiền tạm ứng hợp đồng cho bên B. Trong đó:

Nếu Bên B chậm tiến độ so với thời gian nêu trên thì bên B phải bồi thường cho bên A số tiền tương đương 5% (năm phần trăm) tổng giá trị Hợp đồng cho 01 (một) ngày chậm tiến độ, ngày chậm tiến độ được tính từ ngày Ngân hàng ghi trên chứng từ chuyển tiền tạm ứng Hợp đồng của Bên A. Số tiền bồi thường này được bên A bù trừ vào số tiền thanh toán

đợt 2 của Hợp đồng. Số tiền bồi thường được tính trên tổng số ngày chậm tiến độ, tính theo ngày dương lịch.

Điều 7- Quyền và trách nhiệm của bên B:

- Nhận tạm ứng hợp đồng và thanh toán từ bên A theo Hợp đồng.
- Cung cấp, vận chuyển, bàn giao toàn bộ máy và thiết bị theo Hợp đồng đã ký.
- Cung cấp (bàn giao) toàn bộ hàng (máy, thiết bị, dụng cụ) mới 100%, đúng chủng loại, xuất xứ, mẫu mã, quy cách, chất lượng, đúng thời gian, địa điểm,... theo Hợp đồng đã ký.
- Chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính hợp pháp và nguồn gốc xuất xứ, chất lượng, an toàn cháy nổ,... của máy, thiết bị trước pháp luật Nhà nước Việt Nam.
- Bảo hành máy, thiết bị theo quy định: Cân điện tử, Súng thử cường độ bê tông được Bên B bảo hành miễn phí trong 12 (mười hai) tháng do lỗi của nhà sản xuất. Tủ sấy, Máy khoan lấy mẫu bê tông được Bên B bảo hành miễn phí trong 6 (sáu) tháng do lỗi của nhà sản xuất.
- Cung cấp hóa đơn giá trị gia tăng khi bàn giao hàng cho bên A. Các Trách nhiệm khác theo quy định hiện hành của Pháp luật.

Điều 8- Quyền và trách nhiệm bên A:

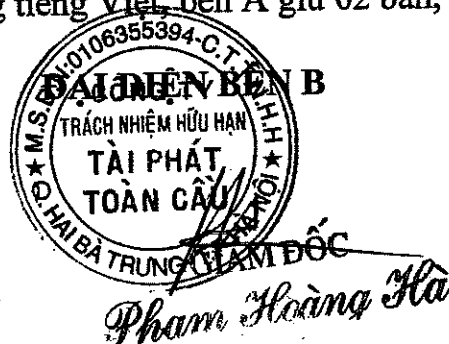
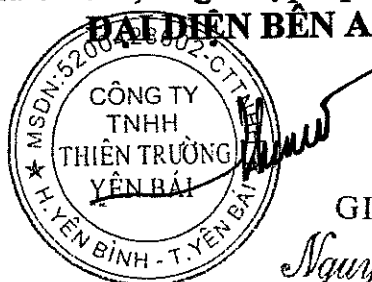
- Nhận hàng (máy, thiết bị) đúng, đủ theo các yêu cầu của Hợp đồng kinh tế này.
- Nhận hóa đơn giá trị gia tăng theo quy định Nhà nước.
- Tạm ứng hợp đồng và thanh toán theo Hợp đồng đã ký.
- Các Quyền và trách nhiệm khác theo quy định hiện hành của Pháp luật.

Điều 9- Điều khoản chung:

- Hai Bên cam kết thực hiện đúng hợp đồng, các nội dung chưa được nêu trong Hợp đồng này sẽ được hai Bên tuân theo quy định hiện hành của Nhà nước. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hai bên cùng nhau bàn bạc tìm hướng giải quyết trên cơ sở tôn trọng lợi ích của cả hai Bên. Mọi sự thay đổi phải được sự đồng ý của hai Bên bằng văn bản chính thức. Không bên nào có quyền được tự ý thay đổi hoặc hủy bỏ hợp đồng. Trường hợp xảy ra tranh chấp mà không thỏa thuận, thống nhất được, sẽ đưa ra Tòa án kinh tế TP Hà Nội để giải quyết. Phán quyết của Tòa án TP Hà Nội là quyết định cuối cùng mà hai Bên phải tuân theo.

- Hợp đồng kinh tế này có hiệu lực kể từ ngày hai Bên ký kết và sẽ tự động thanh lý khi các Bên thực hiện và hoàn thành tất cả các trách nhiệm theo Hợp đồng và quy định Nhà nước.

- Hợp đồng kinh tế này được lập thành 04 bản bằng tiếng Việt, bên A giữ 02 bản, bên B giữ 02 bản, có giá trị pháp lý như nhau.



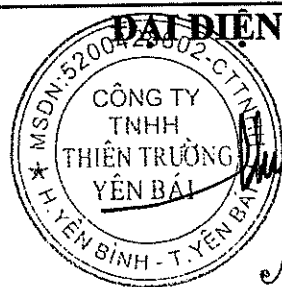
Phụ lục 1 HĐTN2019

TT	TÊN THIẾT BỊ - THÔNG SỐ KỸ THUẬT	SL	ĐVT	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
I	BỘ SÀNG CÁT D200MM				
1	Sàng D200mm, 10.0 mm - TQ	1	Ch	190.000	190.000
2	Sàng D200mm, 5.0 mm - TQ	1	Ch	190.000	190.000
3	Sàng D200mm, 2.50 mm - TQ	1	Ch	190.000	190.000
4	Sàng D200mm, 1.25 mm - TQ	1	Ch	190.000	190.000
5	Sàng D200mm, 0.63 mm - TQ	1	Ch	190.000	190.000
6	Sàng D200mm, 0.315 mm - TQ	1	Ch	190.000	190.000
7	Sàng D200mm, 0.14 mm - TQ	1	Ch	190.000	190.000
II	BỘ SÀNG ĐẤT D200MM				
1	Sàng D200mm, 2.0 mm - TQ	1	Ch	190.000	190.000
2	Sàng D200mm, 1.0 mm - TQ	1	Ch	190.000	190.000
3	Sàng D200mm, 0.5 mm - TQ	1	Ch	190.000	190.000
4	Sàng D200mm, 0.25 mm - TQ	1	Ch	190.000	190.000
5	Sàng D200mm, 0.10 mm - TQ	1	Ch	190.000	190.000
6	Sàng D200mm, 0.075 mm - TQ	1	Ch	190.000	190.000
7	Sàng D200mm, 1.18 mm - TQ	1	Ch	190.000	190.000
8	Sàng D200mm, 0.09 mm - TQ	1	Ch	190.000	190.000
III	DỤNG CỤ - VN				
1	Cối Proctor tiêu chuẩn - VN	1	Ch	450.000	450.000
2	Cối Proctor cải tiến - VN	1	Ch	550.000	550.000
3	Chày Proctor tiêu chuẩn - VN	1	Ch	350.000	350.000
4	Chày Proctor cải tiến - VN	1	Ch	450.000	450.000
5	Dao vòng cắt đất D30cm2 - TQ	10	Ch	190.000	1.900.000
6	Dao vòng cắt đất D50cm2 - TQ	3	Ch	200.000	600.000
7	Bộ thí nghiệm giới hạn chảy casagrande	1	Ch	2.600.000	2.600.000
8	Bộ thí nghiệm giới hạn dẻo	1	Ch	1.050.000	1.050.000
9	Bình tỷ trọng 100 ml	6	Ch	100.000	600.000
10	Rọ cân thủy tinh	1	Ch	480.000	480.000
11	Bộ chày cối sứ D150	1	Bộ	450.000	450.000
12	Cốc nhôm làm ẩm	10	Ch	98.000	980.000
13	Khay nhôm 10*20	10	Ch	120.000	1.200.000
14	Khay Inox 35*45	10	Ch	150.000	1.500.000
15	Khay tôn 45*50	5	Ch	250.000	1.250.000
16	Ống thủy tinh 500ml	2	Ch	380.000	760.000
17	Ống thủy tinh 250ml	2	Ch	350.000	700.000
18	Chày cao su	2	Ch	50.000	100.000

19	Dao gạt đất	2	Ch	150.000	300.000
20	Khuôn bê tông lập phương 15*15 (nhựa)	12	Ch	75.000	900.000
21	Khuôn bê tông lập phương 15*15 (thép)	3	Ch	330.000	990.000
22	Khuôn bê tông trụ 15*30 (thép)	3	Ch	400.000	1.200.000
23	Khuôn vữa 7.07*7.07.7.07	3	Ch	370.000	1.110.000
24	Khuôn vữa 4*4*16	3	Ch	400.000	1.200.000
25	Cát chuẩn ISO 679 (1 bao 50 KG)	1	Bao	460.000	460.000
26	Bình tỷ trọng xi măng có bầu 250 ml	2	Ch	120.000	240.000
27	Côn thử độ sụt bê tông Inox	1	Ch	750.000	750.000
IV	MÁY NÉN BÊ TÔNG - TQ				
1	Máy nén bê tông 2000KN - TQ Model: TYE-2000 - Dải đo: 800KN/2,5; 2000KN/5KN - Mẫu nén: mẫu lập phương và mẫu trụ - Điện nguồn: 220V/50Hz, 1 pha - Kích thước: 850x450x1400, 750kg	1	ch	55.000.000	55.000.000
V	SÀNG D300 ĐÁ - TQ				
1	Sàng D300mm - 75mm	1	Ch	180.000	180.000
2	Sàng D300mm - 60mm	1	Ch	180.000	180.000
3	Sàng D300mm - 50mm	1	Ch	180.000	180.000
4	Sàng D300mm - 40mm	1	Ch	180.000	180.000
5	Sàng D300mm - 30mm	1	Ch	180.000	180.000
6	Sàng D300mm - 25mm	1	Ch	180.000	180.000
7	Sàng D300mm - 20mm	1	Ch	180.000	180.000
8	Sàng D300mm - 15mm	1	Ch	180.000	180.000
9	Sàng D300mm - 3mm	1	Ch	180.000	180.000
	SÀNG D300 CẤP PHỐI ĐÁ DẦM - TQ				
10	Sàng D300mm - 37.5mm	1	Ch	180.000	180.000
	Sàng D300mm - 19.5mm	1	Ch	180.000	180.000
	Sàng D300mm - 9.5mm	1	Ch	180.000	180.000
	Sàng D300mm - 4.75mm	1	Ch	180.000	180.000
	Sàng D300mm - 2.36mm	1	Ch	180.000	180.000
	Sàng D300mm - 0.425mm	1	Ch	180.000	180.000
11	Phễu xác định độ xốp của đá, không kèm thùng đựng	1	Ch	750.000	750.000
12	Phễu xác định độ xốp của cát, không kèm thùng đựng	1	Ch	420.000	420.000
13	Thùng dung trọng 2 lít (hộc đóng) - VN	1	Ch	120.000	120.000
14	Thùng dung trọng 5 lít (hộc đóng) - VN	1	Ch	220.000	220.000
15	Bộ nén đập trong xi lanh D150	1	Ch	750.000	750.000
16	Thước kẹp xác định thời dẹt	1	Ch	350.000	350.000
17	Bộ phễu rót cát hiện trường	1	Ch	1.200.000	1.200.000

18	Tủ sấy 300oC (101-1)	1	Ch	4.950.000	4.950.000
19	Cân điện tử 15kg d=0,5g LD Đài loan UWA-N,	1	Ch	2.950.000	2.950.000
19	Cân điện tử 6kg d=0,1g LD Đài loan UWA-N,	1	Ch	2.760.000	2.760.000
20	Nhiệt kế kim loại 250 -300 - Korea	1	Ch	550.000	550.000
21	Máy khoan mẫu bê tông XM, bê tông nhựa	1	Ch	4.500.000	4.500.000
22	Mũi khoan mẫu bê tông XM, bê tông nhựa	2	Ch	1.500.000	3.000.000
	CỘNG:				106.190.000
	VAT 10%:				10.619.000
	Xe vận chuyển Hà Nội - Yên Bái (150Km)				2.500.000
	TỔNG CỘNG				119.309.000

Bằng chữ: Một trăm mười chín triệu, ba trăm linh chín đồng



ĐẠI DIỆN BÊN A

GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Dự



ĐẠI DIỆN B

GIÁM ĐỐC
Phạm Hoàng Hà

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

BIÊN BẢN GIAO NHẬN HÀNG HÓA

Bên mua (Bên A) Công ty TNHH Thiên Trường Yên Bái

Đại diện Ông/bà: Nguyễn Thị Dự Chức vụ: Giám đốc ĐT:

Bên bán hàng (Bên B) Công ty TNHH tài phát Toàn Cầu

Đại diện Ông/bà: Nguyễn Xuân Bình Chức vụ: TP vật tư thiết bị

Cùng nhau giao nhận khuôn mẫu và dụng cụ thí nghiệm như sau:

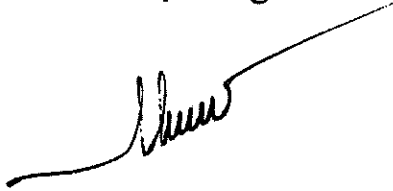
TT	TÊN THIẾT BỊ - THÔNG SỐ KỸ THUẬT	SL	ĐVT	Ghi chú
I	BỘ SÀNG CÁT D200MM			
1	Sàng D200mm, 10.0 mm - TQ	1	Ch	
2	Sàng D200mm, 5.0 mm - TQ	1	Ch	
3	Sàng D200mm, 2.50 mm - TQ	1	Ch	
4	Sàng D200mm, 1.25 mm - TQ	1	Ch	
5	Sàng D200mm, 0.63 mm - TQ	1	Ch	
6	Sàng D200mm, 0.315 mm - TQ	1	Ch	
7	Sàng D200mm, 0.14 mm - TQ	1	Ch	
II	BỘ SÀNG ĐẤT D200MM			
1	Sàng D200mm, 2.0 mm - TQ	1	Ch	
2	Sàng D200mm, 1.0 mm - TQ	1	Ch	
3	Sàng D200mm, 0.5 mm - TQ	1	Ch	
4	Sàng D200mm, 0.25 mm - TQ	1	Ch	
5	Sàng D200mm, 0.10 mm - TQ	1	Ch	
6	Sàng D200mm, 0.075 mm - TQ	1	Ch	
7	Sàng D200mm, 1.18 mm - TQ	1	Ch	
8	Sàng D200mm, 0.09 mm - TQ	1	Ch	
III	DỤNG CỤ - VN			
1	Cối Proctor tiêu chuẩn - VN	1	Ch	
2	Cối Proctor cải tiến - VN	1	Ch	
3	Chày Proctor tiêu chuẩn - VN	1	Ch	
4	Chày Proctor cải tiến - VN	1	Ch	
5	Dao vòng cắt đất D30cm ² - TQ	10	Ch	
6	Dao vòng cắt đất D50cm ² - TQ	3	Ch	
7	Bộ thí nghiệm giới hạn chảy casagrande	1	Ch	
8	Bộ thí nghiệm giới hạn dẻo	1	Ch	
9	Bình tỷ trọng 100 ml	6	Ch	
10	Rọ cân thủy tĩnh	1	Ch	
11	Bộ chạy cối sứ D150	1	Bộ	

12	Cốc nhôm làm ẩm	10	Ch	
13	Khay nhôm 10*20	10	Ch	
14	Khay Inox 35*45	10	Ch	
15	Khay tôn 45*50	5	Ch	
16	Ống thủy tinh 500ml	2	Ch	
17	Ống thủy tinh 250ml	2	Ch	
18	Chày cao su	2	Ch	
19	Dao gạt đất	2	Ch	
20	Khuôn bê tông lập phương 15*15 (nhựa)	12	Ch	
21	Khuôn bê tông lập phương 15*15 (thép)	3	Ch	
22	Khuôn bê tông trụ 15*30 (thép)	3	Ch	
23	Khuôn vữa 7.07*7.07.7.07	3	Ch	
24	Khuôn vữa 4*4*16	3	Ch	
25	Cát chuẩn ISO 679 (1 bao 50 KG)	1	Bao	
26	Bình tỷ trọng xi măng có bầu 250 ml	2	Ch	
27	Côn thử độ sụt bê tông Inox	1	Ch	
IV	MÁY NÉN BÊ TÔNG - TQ			
1	Máy nén bê tông 2000KN - TQ Model: TYE-2000 - Dải đo: 800KN/2,5; 2000KN/5KN - Mẫu nén: mẫu lập phương và mẫu trụ - Điện nguồn: 220V/50Hz, 1 pha - Kích thước: 850x450x1400, 750kg	1	ch	
V	SÀNG D300 ĐÁ - TQ			
1	Sàng D300mm - 75mm	1	Ch	
2	Sàng D300mm - 60mm	1	Ch	
3	Sàng D300mm - 50mm	1	Ch	
4	Sàng D300mm - 40mm	1	Ch	
5	Sàng D300mm - 30mm	1	Ch	
6	Sàng D300mm - 25mm	1	Ch	
7	Sàng D300mm - 20mm	1	Ch	
8	Sàng D300mm - 15mm	1	Ch	
9	Sàng D300mm - 3mm	1	Ch	
	SÀNG D300 CẤP PHỐI ĐÁ DẪM - TQ			
10	Sàng D300mm - 37.5mm	1	Ch	
	Sàng D300mm - 19.5mm	1	Ch	
	Sàng D300mm - 9.5mm	1	Ch	
	Sàng D300mm - 4.75mm	1	Ch	
	Sàng D300mm - 2.36mm	1	Ch	
	Sàng D300mm - 0.425mm	1	Ch	

11	Phễu xác định độ xốp của đá, không kèm thùng đựng	1	Ch	
12	Phễu xác định độ xốp của cát, không kèm thùng đựng	1	Ch	
13	Thùng dung trọng 2 lít (hộc đóng) - VN	1	Ch	
14	Thùng dung trọng 5 lít (hộc đóng) - VN	1	Ch	
15	Bộ nén dập trong xi lanh D150	1	Ch	
16	Thước kẹp xác định thời dẹt	1	Ch	
17	Bộ phễu rót cát hiện trường	1	Ch	
18	Tủ sấy 300oC (101-1)	1	Ch	
19	Cân điện tử 15kg d=0,5g LD Đài loan UWA-N,	1	Ch	
19	Cân điện tử 6kg d=0,1g LD Đài loan UWA-N,	1	Ch	
20	Nhiệt kế kim loại 250 -300 - Korea	1	Ch	
21	Máy khoan mẫu bê tông XM, bê tông nhựa	1	Ch	
22	Mũi khoan mẫu bê tông XM, bê tông nhựa	2	Ch	

ĐẠI DIỆN BÊN A

Bên nhận hàng



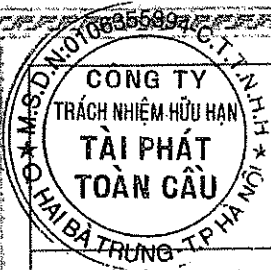
Nguyễn Thị Dư

ĐẠI DIỆN BÊN B

Bên giao hàng



Nguyễn Xuân Bình



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(VAT INVOICE)

Mẫu số (Form No.): 01GTKT0/001
Ký hiệu (Serial No.): TP/19E
Số (Invoice No.): 0000219

Ngày (day) 13 tháng (month) 07 năm (year) 2019

Đơn vị bán (Seller): **CÔNG TY TNHH TÀI PHÁT TOÀN CẦU**
Mã số thuế (Tax Code): **0106355394**
Địa chỉ (Address): **Số nhà 9B ngõ Thái Lợi, Phố Bạch Mai, Phường Bạch Mai, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**
Điện thoại (Tel.): **0913588608**
Số tài khoản (Account No.):

Người mua (Buyer):
Đơn vị (Company name): **CÔNG TY TNHH THIÊN TRƯỜNG YÊN BÁI**
Mã số thuế (Tax Code): **5200428602**
Địa chỉ (Address): **Tổ 1, Thị Trấn Yên Bình, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái, Việt Nam**
Hình thức thanh toán (Payment method): **Chuyển khoản**
Số tài khoản (Account No.):

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	THANH TOÁN HỢP ĐỒNG MUA BÁN THIẾT BỊ, DỤNG CỤ THÍ NGHIỆM SỐ 11/2019-HĐKT NGÀY 01 THÁNG 06 NĂM 2019				108,462,727
Cộng tiền hàng (Sub total):					108,462,727
Thuế suất GTGT (Tax rate): 10 %		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			10,846,273
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):					119,309,000
Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): Một trăm mười chín triệu ba trăm lẻ chín nghìn đồng chẵn ./.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Đã được ký điện tử bởi
(Signed digitally by)

CÔNG TY TNHH TÀI PHÁT TOÀN CẦU

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: 63/2023/HĐKT

- Căn cứ Luật thương mại sửa đổi số 36/2005/QH11 do Quốc hội thông qua ngày 14 tháng 06 năm 2005;
- Căn cứ Bộ luật dân sự sửa đổi số 33/2005/QH11 do Quốc hội thông ngày 14 tháng 06 năm 2005;
- Căn cứ vào Nghị định số 57/CP ngày 31/07/1999 của Chính phủ về hướng dẫn chi tiết thi hành Luật Thương mại;
- Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của hai bên;

Hôm nay, ngày 22 tháng 05 năm 2023, tại Hà Nội, chúng tôi gồm:

BÊN A: CÔNG TY TNHH THIÊN TRƯỜNG YÊN BÁI

Địa chỉ: Tổ 1, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

MST: 5200428602

Do Bà: **Nguyễn Thị Dự** - Giám đốc - làm đại diện

BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ KIỂM ĐỊNH AN PHÁT

Địa chỉ: Km số 9, đường 72, xã Cộng Hòa, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội.

MST: 0108673258

Số TK: 22210003964388 Tại Ngân hàng BIDV- Chi nhánh Thanh Xuân

Do Ông: **Nguyễn Văn Linh** - Phó Tổng Giám đốc - làm đại diện

Cùng nhau thương thảo, đi đến thống nhất ký kết Hợp đồng kinh tế với các điều khoản như sau:

Điều 1: Hàng hoá (thiết bị và vật tư)

Bên A đồng ý mua, Bên B đồng ý bán các thiết bị, vật tư theo danh mục sau:

STT	TÊN THIẾT BỊ - THÔNG SỐ KỸ THUẬT	Xuất xứ	SL	ĐVT	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	Máy nén marshall điện từ 30kN - TQ.	TQ	1	chiếc	19.500.000	19.500.000
2	Bộ khuôn marshall	VN	1	bộ	500.000	500.000
	CỘNG					20.000.000
	VAT 10%					2.000.000
	TỔNG CỘNG					22.000.000

Điều 2: Giá cả:

Tổng giá trị hợp đồng:

22.000.000 VNĐ

Bằng chữ: Hai mươi hai triệu đồng chẵn).

Giá trên là giá đã bao gồm: Thuế VAT, chi phí hiệu chuẩn tại bên bán, chưa bao gồm chi phí vận chuyển.

Điều 3: Chất lượng, quy cách thiết bị và bảo hành:

- Thiết bị mới 100%, đảm bảo chất lượng và phù hợp với Tiêu chuẩn của Việt Nam hoặc tiêu chuẩn ASTM hoặc tiêu chuẩn AASHTO.
- Thiết bị được bảo hành miễn phí 12 tháng do lỗi của nhà sản xuất tại phòng TN bên A.

Điều 4: Thời gian và địa điểm bàn giao lắp đặt:

- Thời gian giao hàng: Hàng được giao trong vòng 01 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực thi hành và bên B nhận được tiền đặt cọc của bên A.



- Địa điểm bàn giao và lắp đặt thiết bị: Hà nội

Điều 5: Phương thức thanh toán:

Bên A chuyển khoản đặt hàng cho bên B 100% giá trị của hợp đồng ngay sau khi Hợp đồng được ký bởi hai bên.

Điều 6: Điều khoản thưởng phạt:

+ Nếu Bên B bàn giao thiết bị chậm so với tiến độ quy định của Hợp đồng thì Bên B phải chịu phạt 1%/tuần đối với số thiết bị còn thiếu.

+ Nếu Bên A thanh toán tiền chậm so với tiến độ quy định của Hợp đồng thì Bên A phải chịu phạt 1%/tuần đối với số tiền thanh toán chậm.

Điều 7: Các điều khoản chung

Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh hợp đồng này và không bên nào được hủy Hợp đồng nếu chưa có sự đồng ý bên kia bằng văn bản.

Trong mọi trường hợp xảy ra, thì bên A phải chịu trách nhiệm hoàn toàn với bên B và ngược lại về quyền lợi của Hợp đồng và chịu trách nhiệm trước Pháp luật.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng nếu có gì cần sửa đổi bổ sung, hai bên sẽ thảo luận và thống nhất với nhau trên tinh thần hợp tác để giải quyết.

Trong trường hợp không đi đến thống nhất sẽ đưa ra Toà án kinh tế TP.Hà nội giải quyết. Mọi phán xét của Toà án kinh tế TP.Hà nội là điều bắt buộc thi hành đối với cả 2 bên.

Hợp đồng này lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản, có giá trị như nhau và có hiệu lực kể từ ngày ký.

ĐẠI DIỆN BÊN A



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Dự

ĐẠI DIỆN BÊN B



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Linh



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Yên Bái, ngày 28 tháng 09 năm 2020

HỢP ĐỒNG

Số: 2809/2020/HĐTN-KSC

(Về việc: Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng: Gói thầu số 09: Thi công xây dựng công trình kè chống sạt lở bờ sông Chảy khu vực xã Đại Minh, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái (Giai đoạn 1) Phân đoạn thi công Kè đoạn 1: Từ cọc K13 ÷ Cọc K20+19.00m (Km0+00 ÷ Km0+241.78); Đường công vụ đoạn 1

I- CĂN CỨ ĐỂ KÝ HỢP ĐỒNG

Căn cứ luật Dân sự nước CHXHCN Việt Nam số 91/2015/QH XIII ngày 24/11/2015 có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

Căn cứ Luật Xây Dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 05 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Căn cứ vào thông tư số: 09/2016/TT-BXD ngày 10 tháng 03 năm 2016 của Bộ xây dựng về việc hướng dẫn hợp đồng trong xây dựng;

Căn cứ vào Giấy chứng nhận số: 1267/GCN-BXD ngày 20/9/2019 của Bộ xây dựng về việc: Chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng thực hiện các phép thử của phòng thí nghiệm Vật liệu Xây dựng - Địa kỹ thuật thuộc công ty TNHH Thiên Trường Yên Bái mang mã hiệu LAS - XD 1867;

Căn cứ vào nhu cầu và năng lực của các bên tham gia dự án.

II- CÁC BÊN KÝ HỢP ĐỒNG

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN BÌNH DƯƠNG.

Người đại diện : Ông Đinh Xuân Dũng Chức vụ: Phó Giám đốc
Địa chỉ : Số 17C Mai Hắc Đế, P. Quán Bàu, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An
Điện thoại : 0238.3554889
Mã số thuế : 2900588324
Tài khoản : 0861 0022 27777 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Vinh

BÊN B: CÔNG TY TNHH THIÊN TRƯỜNG YÊN BÁI.

Người đại diện : Bà Nguyễn Thị Dự Chức vụ: Giám đốc
Trụ sở : Tổ 1, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình - tỉnh Yên Bái
Điện thoại : 0988.868.955
Mã số thuế : 5200 428 602
Tài khoản : 3711 0000 123 691 tại Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam. Chi nhánh huyện Yên Bình

III- NỘI DUNG CỦA HỢP ĐỒNG THÍ NGHIỆM

Hai bên thoả thuận ký kết Hợp đồng công tác thí nghiệm chuyên ngành xây dựng: Gói thầu số 09: Thi công xây dựng công trình kè chống sạt lở bờ sông Chảy khu vực xã Đại Minh, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái (Giai đoạn 1) Phân đoạn thi công Kè đoạn 1: Từ cọc K13 ÷ Cọc K20+19.00m (Km0+00 ÷ Km0+241.78); Đường công vụ đoạn 1.

Điều 1. Nội dung và chất lượng công việc

1.1 Nội dung công việc cần thí nghiệm:

- + Thí nghiệm vật liệu: Cát các loại; xi măng, đá các loại (Sỏi), cấp phối đá các loại, cấp phối thiên nhiên, thép các loại.
- + Thí nghiệm chỉ tiêu cơ lý của đất đắp và kiểm tra độ chặt (K) hiện trường.
- + Thiết kế thành phần cấp phối bê tông, vữa xây, Thí nghiệm cường độ chịu nén của vữa, bê tông.
- + Các thí nghiệm khác phục vụ gói thầu theo yêu cầu của dự án (Trong chức năng nhiệm vụ của Công ty).

1.2 Chất lượng công tác thí nghiệm:

Theo tiêu chuẩn Việt Nam hiện hành và Quy trình, quy phạm thí nghiệm hiện hành của Nhà nước.

Điều 2. Qui định về thời gian thực hiện hợp đồng

Công tác thí nghiệm được thực hiện ngay sau khi hai bên ký hợp đồng và tiến hành thí nghiệm theo thời gian yêu cầu của bên A. (Trong thời gian hợp đồng xây lắp bên A đã ký với Chủ đầu tư).

Thời gian bên B trả kết quả thí nghiệm cho bên A sau khi thí nghiệm xong (theo quy định về thời gian thực hiện thí nghiệm).

Điều 3. Giá trị hợp đồng, hình thức hợp đồng, đơn giá hợp đồng:

Giá trị hợp đồng: Được thống nhất giữa hai bên (A và B), giá trị hợp đồng lấy theo phương thức khoán trọn gói bằng 0.25% giá trị xây lắp chính do bên A thực hiện (Bao gồm VAT = 10%), cụ thể:

Giá trị hợp đồng trọn gói là: $11.314.273.000 \times 0.25\% = 28.000.000$ đồng

Giá trị làm tròn là: 28.000.000 đồng.

Bằng chữ: Hai mươi tám triệu đồng chẵn.

Điều 4. Hình thức, cách thức thanh toán và thanh lý hợp đồng

4.1 Hình thức, đồng tiền thanh toán: Bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.

Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng.

4.2 Cách thức thanh toán:

Sau khi hoàn thành các công việc trong hợp đồng, hai bên tiến hành lập biên bản nghiệm thu hợp đồng để làm cơ sở thanh toán hợp đồng. Bên A có trách nhiệm thanh toán số tiền đã thực hiện theo biên bản nghiệm thu hợp đồng cho bên B.

Thời gian thanh toán: Trong vòng 15 ngày kể từ khi có biên bản nghiệm thu hợp đồng.

4.3 Trong quá trình thực hiện có sự thay đổi về khối lượng, giá trị trong hợp đồng xây lắp thì giá trị thí nghiệm không thay đổi.

4.4 Thanh lý hợp đồng: Sau khi hai bên đã thực hiện xong các điều khoản đã ký trong hợp đồng và thanh toán xong giá trị hợp đồng, Sau 15 ngày hai bên không có ý kiến gì thì bản hợp đồng này coi như đã được thanh lý kết thúc hợp đồng đã ký.

Điều 5. Bất khả kháng

5.1 Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra mang tính khách quan và nằm ngoài sự kiểm soát của các bên như: Động đất, bão, lũ lụt, sóng thần, lở đất, hoả hoạn, chiến tranh và các thảm hoạ khác chưa lường hết được, sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của cơ quan có cấp thẩm quyền Việt Nam.

- Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt hợp đồng. Tuy nhiên bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải:

+ Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.

+ Thông báo ngay cho bên kia về sự kiện bất khả kháng xảy ra trong vòng 7 ngày ngay sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

5.2 Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, thời gian thực hiện hợp đồng sẽ được kéo dài bằng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng của mình.

Điều 6. Tạm dừng huỷ bỏ hợp đồng

6.1 Tạm dừng thực hiện hợp đồng: Các trường hợp tạm dừng hợp đồng.

- Do lỗi bên A hoặc bên B
- Các trường hợp bất khả kháng
- Các trường hợp khác (nếu có)

Mỗi bên có quyền quyết định tạm dừng hợp đồng do lỗi của bên kia gây ra, Nhưng phải báo ngay cho bên kia biết bằng văn bản và cùng bàn bạc giải quyết để tiếp tục thực hiện đúng hợp đồng thí nghiệm đã ký, trường hợp bên tạm dừng không thông báo mà tạm dừng gây thiệt hại thì phải bồi thường cho bên thiệt hại.

Thời gian và mức đền bù thiệt hại do tạm dừng hợp đồng do hai bên thoả thuận để khắc phục.

6.2 Huỷ bỏ hợp đồng:

- Mỗi bên có quyền huỷ bỏ hợp đồng và không phải bồi thường thiệt hại khi bên kia vi phạm hợp đồng là điều kiện huỷ bỏ mà các bên đã thoả thuận hoặc pháp luật có quy định. Bên vi phạm phải bồi thường thiệt hại;

- Bên huỷ bỏ hợp đồng phải thông báo ngay cho bên kia biết về việc huỷ bỏ; nếu không thông báo mà gây thiệt hại cho bên kia, thì bên huỷ bỏ hợp đồng phải bồi thường;

- Khi hợp đồng bị huỷ bỏ, thì hợp đồng không có hiệu lực từ thời điểm huỷ bỏ và các bên phải hoàn trả cho nhau tài sản hoặc tiền;

Điều 7. Trách nhiệm và nghĩa vụ của bên A

7.1 Cung cấp các số liệu yêu cầu thí nghiệm, số lượng và trọng lượng của mỗi loại mẫu thí nghiệm cho bên B theo tiêu chuẩn, quy phạm, quy trình hiện hành.

7.2 Kết hợp với kỹ sư tư vấn giám sát thi công và bên B thực hiện trong quá trình: Lấy mẫu thí nghiệm, trong phòng, hiện trường. Bên A chuyển giao cho bên B các mẫu thí nghiệm tại phòng thí nghiệm của bên B; ký xác nhận các kết quả thí nghiệm theo quy định của Nhà nước (nếu có).

7.3 Thanh toán đầy đủ số tiền cho bên B theo những điều khoản đã cam kết trong hợp đồng đã ký giữa hai bên (A-B).

7.4 Có quyền khiếu nại các kết quả thí nghiệm do bên B cung cấp cho bên A nếu không đúng.

Điều 8. Trách nhiệm và nghĩa vụ của bên B:

8.1 Thực hiện theo đúng tiêu chuẩn, quy phạm, quy trình của Nhà nước ban hành về công tác thí nghiệm và nội dung, chất lượng công việc ở điều 1 của hợp đồng.

8.2 Cung cấp báo cáo kết quả thí nghiệm (03 bản) đúng tiêu chuẩn quy định, kịp thời gian theo yêu cầu của bên A.

8.3 Thực hiện các điều khoản đã cam kết trong hợp đồng đã ký giữa hai bên

8.4 Có quyền từ chối mọi yêu cầu cung cấp số liệu kết quả thí nghiệm của bên A nếu như số liệu đó không đúng với yêu cầu tiêu chuẩn, quy phạm, quy trình thí nghiệm của Nhà nước ban hành.

8.5 Sau khi bên A thanh toán xong số tiền theo biên bản nghiệm thu hợp đồng cho bên B, bên B có trách nhiệm phát hành hoá đơn giá trị gia tăng theo quy định của Bộ tài chính.

Điều 9. Tranh chấp và giải quyết tranh chấp hợp đồng

9.1 Trong trường hợp xảy ra tranh chấp hợp đồng, các bên phải có trách nhiệm thương lượng giải quyết.

9.2 Trường hợp không đạt được thoả thuận giữa các bên, việc giải quyết tranh chấp thông qua Toà án kinh tế tỉnh Yên Bái giải quyết theo quy định của Pháp luật. Sự phán quyết của Toà án là quyết định cuối cùng ràng buộc các bên phải thực hiện, trong thời gian chờ đợi giải quyết của Toà án thì hai bên vẫn phải thực hiện những cam kết đã ký trong hợp đồng.

Điều 10. Ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng:

Ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng là tiếng Việt

Điều 11. Điều khoản chung:

11.1 Hợp đồng này cũng như tất cả các tài liệu, thông tin liên quan đến hợp đồng sẽ được các bên quản lý theo quy định hiện hành của Nhà nước về bảo mật.

11.2 Hai bên cam kết thực hiện tốt các điều khoản đã thoả thuận trong hợp đồng.

11.3 Hợp đồng này làm thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, bên A giữ 02 bản, bên B giữ 02 bản.

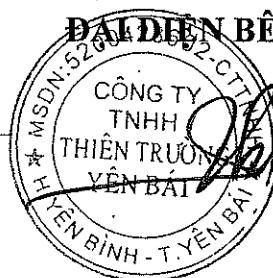
11.4 Hiệu lực của hợp đồng: Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký đến khi thanh lý và thanh toán xong hợp đồng./.

ĐẠI DIỆN BÊN A

PHÓ GIÁM ĐỐC

Đinh Xuân Dũng 4

ĐẠI DIỆN BÊN B



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Dư

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: 219/2021/HĐKT

- Căn cứ Luật thương mại sửa đổi số 36/2005/QH11 do Quốc hội thông qua ngày 14 tháng 06 năm 2005;
- Căn cứ Bộ luật dân sự sửa đổi số 33/2005/QH11 do Quốc hội thông qua ngày 14 tháng 06 năm 2005;
- Căn cứ vào Nghị định số 57/CP ngày 31/07/1999 của Chính phủ về hướng dẫn chi tiết thi hành Luật Thương mại;
- Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của hai bên;

Hôm nay, ngày 21 tháng 09 năm 2021, tại Hà Nội, chúng tôi gồm:

BÊN A: CÔNG TY TNHH THIÊN TRƯỜNG YÊN BÁI

Địa chỉ: Tổ 1 – TT Yên Bình – huyện Yên Bình – T. Yên Bái

MST: 5200428602

Do Bà: **Nguyễn Thị Dự** - Giám Đốc - làm đại diện.

Số TK: 37110000123691. Tại Ngân hàng BIDV – Chi nhánh Yên Bái

BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI AN PHÁT VIỆT NAM

Địa chỉ: Km số 9, đường 72, xã Cộng Hòa, huyện Quốc Oai, TP. Hà Nội.

MST: 0108673258

Số TK: 22210003964388 Tại Ngân hàng BIDV- Chi nhánh Thanh Xuân

Do Ông: **Đỗ Đăng Đầy** - Giám đốc - làm đại diện



Cùng nhau thương thảo, đi đến thống nhất ký kết Hợp đồng kinh tế với các điều khoản như sau:

Điều 1: Hàng hoá (thiết bị và vật tư)

Bên A đồng ý mua, Bên B đồng ý bán các thiết bị, vật tư theo danh mục sau:

STT	Tên thiết bị - Thông số kỹ thuật	XS	SL	ĐVT	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	Máy nén bê tông 2000KN - BẮC KINH-TQ Model: DYE-2000 - Dải đo: 0~ 2000KN - Sai số: đạt TCVN, ASTM. - Mẫu nén max: D150xH300; 200x200x200. - Dễ sử dụng, phù hợp tiêu chuẩn Việt nam, - Hiển thị điện tử, tự động lưu giữ kết quả nén và in kết quả sau khi nén. - Điện nguồn: 220V/50Hz, 1 pha. - Trọng lượng khoảng: 700kg	TQ	1	chiếc	48.000.000	48.000.000
	CỘNG					48.000.000
	VAT 10%					4.800.000
	TỔNG CỘNG					52.800.000

Điều 2: Giá cả:

Tổng giá trị hợp đồng:

52.800.000 VNĐ

Bằng chữ : Năm mươi hai triệu, tám trăm nghìn đồng chẵn).!.

Giá trên là giá đã bao gồm:Thuế VAT 10%, chi phí hiệu chuẩn, chi phí vận chuyển bàn giao tại phòng thí nghiệm Bên A .

Điều 3: Chất lượng, quy cách thiết bị và bảo hành:

- Thiết bị mới 100%, đảm bảo chất lượng và phù hợp với Tiêu chuẩn của Việt Nam hoặc tiêu chuẩn ASTM hoặc tiêu chuẩn AASHTO.
- Thiết bị được bảo hành miễn phí 12 tháng do lỗi của nhà sản xuất tại phòng TN bên A.

Điều 4: Thời gian và địa điểm bàn giao lắp đặt:

- Thời gian giao hàng: Hàng được giao trong vòng 02 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực thi hành và bên B nhận được tiền đặt cọc của bên A.
- Địa điểm bàn giao và lắp đặt thiết bị: Yên Bái

Điều 5: Phương thức thanh toán:

Bên A thanh toán chuyển khoản cho bên B tại các thời điểm như sau:

- + Lần 1 đặt hàng: Bên A đặt cọc cho bên B 70% giá trị của hợp đồng ngay sau khi Hợp đồng được ký bởi hai bên.
- + Lần 2 thanh toán: Bên A thanh toán cho bên B 30% giá trị của hợp đồng trong vòng 03 ngày kể từ khi bên B thực hiện xong công tác giao hàng, nghiệm thu, chạy thử tại phòng thí nghiệm của bên A. Ngay sau khi bên B nhận đủ số tiền theo hợp đồng bên B có trách nhiệm xuất hóa đơn VAT 10% cho bên A.

Điều 6: Điều khoản thưởng phạt:

- + Nếu Bên B bàn giao thiết bị chậm so với tiến độ quy định của Hợp đồng thì Bên B phải chịu phạt 1%/tuần đối với số thiết bị còn thiếu.
- + Nếu Bên A thanh toán tiền chậm so với tiến độ quy định của Hợp đồng thì Bên A phải chịu phạt 1%/tuần đối với số tiền thanh toán chậm.

Điều 7: Các điều khoản chung

Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh hợp đồng này và không bên nào được huỷ Hợp đồng nếu chưa có sự đồng ý bên kia bằng văn bản.

Trong mọi trường hợp xảy ra, thì bên A phải chịu trách nhiệm hoàn toàn với bên B và ngược lại về quyền lợi của Hợp đồng và chịu trách nhiệm trước Pháp luật.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng nếu có gì cần sửa đổi bổ sung, hai bên sẽ thảo luận và thống nhất với nhau trên tinh thần hợp tác để giải quyết.

Trong trường hợp không đi đến thống nhất sẽ đưa ra Toà án kinh tế TP.Hà nội giải quyết. Mọi phán xét của Toà án kinh tế TP.Hà nội là điều bắt buộc thi hành đối với cả 2 bên.

Hợp đồng này lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản, có giá trị như nhau và có hiệu lực kể từ ngày ký.

ĐẠI DIỆN BÊN A



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Dự

ĐẠI DIỆN BÊN B



GIÁM ĐỐC
Đỗ Đăng Dầy

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

BIÊN BẢN BÀN GIAO THIẾT BỊ VÀ THANH LÝ HỢP ĐỒNG

Căn cứ vào Hợp đồng kinh tế số 219/2021/HĐKT ký ngày 21 tháng 9 năm 2021 giữa Công ty TNHH Thiên Trường Yên Bái và Công ty CP Xây dựng và Thương mại An Phát Việt Nam.

Hôm nay, ngày tháng 09 năm 2021, tại Phòng thí nghiệm của Bên mua, chúng tôi gồm có:

BÊN A: CÔNG TY TNHH THIÊN TRƯỜNG YÊN BÁI

Địa chỉ: Tổ 1 – TT Yên Bình – huyện Yên Bình – T. Yên Bái

MST: 5200428602

Do Bà: **Nguyễn Thị Dự** - Giám Đốc - làm đại diện.

Số TK: 37110000123691. Tại Ngân hàng BIDV – Chi nhánh Yên Bái

BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI AN PHÁT VIỆT NAM

Địa chỉ: Km số 9, đường 72, xã Cộng Hòa, huyện Quốc Oai, TP. Hà Nội.

MST: 0108673258

Số TK: 22210003964388 Tại Ngân hàng BIDV- Chi nhánh Thanh Xuân

Do Ông: **Đỗ Đăng Đầy** - Giám đốc - làm đại diện

Điều 1: Bàn giao thiết bị

STT	Tên thiết bị - Thông số kỹ thuật	XS	SL	ĐVT	Ghi chú
1	Máy nén bê tông 2000KN - BẮC KINH-TQ Model: DYE-2000 - Dải đo: 0~ 2000KN - Sai số: đạt TCVN, ASTM. - Mẫu nén max: D150xH300; 200x200x200. - Dễ sử dụng, phù hợp tiêu chuẩn Việt nam, - Hiện thị điện tử, tự động lưu giữ kết quả nén và in kết quả sau khi nén. - Điện nguồn: 220V/50Hz, 1 pha. - Trọng lượng khoảng: 700kg	TQ	1	chiếc	

- Tình trạng thiết bị: Thiết bị mới 100%, đảm bảo chất lượng và đúng chủng loại.
- Thiết bị được bảo hành 12 tháng kể từ ngày bàn giao và nghiệm thu thiết bị.
- Bên B đã bàn giao, Bên A đã nhận đủ và đúng chủng loại số vật tư thiết bị trên theo đúng nội dung Hợp đồng kinh tế số 219/2021/HĐKT. Thiết bị đã được kiểm tra, chạy thử, hoạt động tốt khi
- Bên B đã lắp đặt, chuyển giao công nghệ và hoàn thành các trách nhiệm của mình theo Hợp đồng kinh tế trên.

Điều 2: Thanh toán.

- Tổng trị giá Hợp đồng đã ký: **52.800.000 VNĐ**
- Tổng trị giá Hợp đồng đã thực hiện: **52.800.000 VNĐ**
- Bên A đã thanh toán cho bên B số tiền là: **36.960.000 VNĐ**
- Bên A còn phải thanh toán cho bên B số tiền là: **15.840.000 VNĐ**

Bằng chữ : Mười lăm triệu, tám trăm bốn nghìn đồng chẵn).!.

Điều 3: Kết luận:

- Ngay sau khi Bên A thanh toán hết số tiền cho Bên B, khi đó giữa hai bên không còn bất cứ khoản nợ nào khác và Hợp đồng này được thanh lý.
- Biên bản bàn giao và thanh lý được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị như nhau và có hiệu lực kể từ ngày ký.

ĐẠI DIỆN BÊN A



GIÁM ĐỐC,
Nguyễn Thị Dự

ĐẠI DIỆN BÊN B



GIÁM ĐỐC,
Đỗ Đăng Dầy



Đơn vị cung cấp dịch vụ Hóa đơn điện tử: Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel), MST: 0100109106
 Truy cập hóa đơn điện tử tại Website: <https://vnnovice.viettel.vn/utilities/invoice-search>. Mã số bí mật: SSZH0QBPC0H29SC

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ GTVT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VIỆN TRƯỞNG VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ GTVT

Cấp

CHỨNG CHỈ



Cho ông/bà: **Vũ Văn Minh**

Sinh ngày: **14/04/1983**

Nơi thường trú: **Yên Bái**

Trình độ chuyên môn: **Kỹ sư - Kỹ thuật xây dựng CTGT**

Đã hoàn thành chương trình:

Đào tạo thí nghiệm viên ngắn hạn

Chuyên ngành: **Quản lý phòng thí nghiệm**

Khoa: **171** Tổ chức: **02/12 - 12/12/2024**

Xếp loại: **Khá**

(Chữ ký của người được cấp)



Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2024

VIỆN TRƯỞNG

KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ GIAO THÔNG VẬN TẢI

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
SỐ CHỨNG THỰC: 15.11..... QUYỂN SỐ: 01SC/TBS

Số: **28.171.24/VKHCN-QLTN**

Ngày: **11-03-2025**

(Chứng chỉ có giá trị 05 năm kể từ ngày cấp)

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Dinh Văn Tiến



CÔNG CHỨNG VIÊN

Lai Trung Hiền

SCIENCE TECHNOLOGY INSTITUTE FOR INVESTMENT AND CONSTRUCTION
VIETNAM FEDERATION OF CIVIL ENGINEERING ASSOCIATIONS



Chữ ký của người được cấp

Số hiệu chứng chỉ: 201907002/VKHCN
CHỨNG THỰC BÀN SỎ DÙNG VỚI BẢN CHÍN:
SCT...164... Quyển số 01...SCT/BS

27-04-2020



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ TỐT NGHIỆP
VIỆN TRƯỞNG

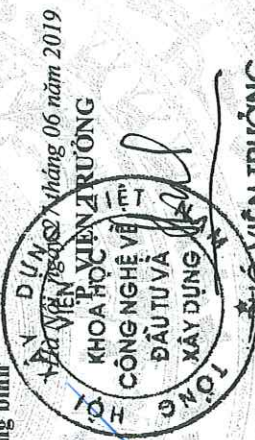
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VỀ ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG
TỔNG HỘI XÂY DỰNG VIỆT NAM

CHỨNG NHẬN

Ông : **NGUYỄN VĂN QUY**
Ngày sinh : 20 - 02 - 1985
Quê quán : Yên Bái
Đã tốt nghiệp khóa đào tạo về:

Thử nghiệm tính chất cơ lý của Bê tông nhựa

Do Viện Khoa Học Công Nghệ về Đầu Tư và Xây Dựng
Tổng Hội Xây Dựng Việt Nam tổ chức.
Thời gian đào tạo: Từ 18/06/2019 đến 25/06/2019
Kết quả học tập: Trung bình



PHÓ VIỆN TRƯỞNG

GS.TSKH. Phùng Văn Lưu

CHỦ TỊCH
Đào Trọng Dương

BẢN SAO

SCIENCE TECHNOLOGY INSTITUTE FOR INVESTMENT AND CONSTRUCTION VIETNAM FEDERATION OF CIVIL ENGINEERING ASSOCIATIONS   Chữ ký của người cấp	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc CHỨNG CHỈ TỐT NGHIỆP VIỆN TRƯỞNG TỔNG HỘI XÂY DỰNG VIỆT NAM CHỨNG NHẬN Ông : TRIỆU VĂN THIÊM Ngày sinh : 02 - 07 - 1992 Quê quán : Yên Bái Đã tốt nghiệp khóa đào tạo về:
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH Số hiệu chứng chỉ: 201901 Ngày: 17-07-2019 Giá chứng thực: 71187 Quyền số: 01 SCT/BS	Thí nghiệm hiện trường kiểm tra tính chất cơ - lý của: Bê tông, Đất, Cát và Đá Do Viện Khoa Học Công Nghệ về Dầu Tụ và Xây Dựng Tổng Hội Xây Dựng Việt Nam tổ chức. Thời gian đào tạo: Từ 15/05/2019 đến 22/05/2019 Khoa: XÂY DỰNG  VIỆN TRƯỞNG TS Phạm Văn Việt



CÔNG CHỨNG VIÊN
Trưởng Lê Thị Nga

SCIENCE TECHNOLOGY INSTITUTE FOR INVESTMENT AND CONSTRUCTION
VIỆT NAM FEDERATION OF CIVIL ENGINEERING ASSOCIATIONS


CHỮ KÝ CỦA NGƯỜI ĐƯỢC CẤP VÀ
TỔNG HỢP CÁC CHỨNG CHỈ VÀ
CHỨNG NHẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ TỐT NGHIỆP
VIỆN TRƯỞNG

VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VỀ ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG
TỔNG HỘI XÂY DỰNG VIỆT NAM

CHỨNG NHẬN

Ông : NGUYỄN ĐỨC CHÍNH
Ngày sinh : 11 - 11 - 1987
Quốc tịch : Hà Nội
Đã tốt nghiệp khóa đào tạo về:

Thử nghiệm tính chất cơ lý của Thép xây dựng

Do Viện Khoa Học Công Nghệ về Đầu Tư và Xây Dựng
Tổng Hội Xây Dựng Việt Nam tổ chức.
Thời gian đào tạo: Từ 27/05/2019 đến 05/06/2019

Kết quả học tập: Khá

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số hiệu chứng chỉ: 2019100209/KHCN Ngày: 17-07-2019

Số chứng chỉ: 1-8-9 Quyển số: 1-9CT/BA

TRƯỜNG THỊ NGÀ
CÔNG CHỨNG
VĂN PHÒNG
H.Đ.Đ. 113-C.T.H.D. * T. HÀ NỘI

TR. Phòng T. và V. Sinh

CÔNG CHỨNG VIÊN
Trương Thị Nga



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ GIAO THÔNG VẬN TẢI TRUNG ƯƠNG I

cấp

BẰNG TỐT NGHIỆP TRUNG CẤP NGHỀ



Cho: Tổng Thanh Tùng

Ngày sinh: 06-04-1992 Giới tính: Nam

Nơi sinh: Sa Pa- Lào Cai

Nghề đào tạo: Thí nghiệm và kiểm tra chất lượng cầu đường bộ

Khoá học từ tháng 8 / 2010 đến tháng 3 / 2012

Tốt nghiệp loại: Khá

CHỨNG THỰC SẴN SÀNG ĐÚNG TỐT NGHIỆP
Hà Nội ngày 28 tháng 3 năm 2012
SỞ CHỨNG THỰC... QUẢN LÝ... SCT/HS

HIỆU TRƯỞNG

Ngày 04-03-2024

Số hiệu bằng: 1350

Vào sổ cấp bằng số: 21576

Ngày 28 tháng 3 năm 2012



CÔNG CHỨNG VIÊN

Nguyễn Trọng Minh
Lai Trung Kiên

Số: 06 /2020/HĐ-TN

Yên Bái, ngày 01 tháng 02 năm 2021

HỢP ĐỒNG

(Về việc: Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng: Gói thầu số 13: Thi công xây dựng kè chống sạt lở bờ Sông Hồng (Đoạn qua khu vực Tuần Quán) thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái (Đoạn cọc 28 +5,03 m) đến cọc 54)

I- CĂN CỨ ĐỂ KÝ HỢP ĐỒNG

Căn cứ luật Dân sự nước CHXHCN Việt Nam số 91/2015/QH XIII ngày 24/11/2015 có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

Căn cứ Luật Xây Dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 05 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Căn cứ vào thông tư số: 09/2016/TT-BXD ngày 10 tháng 03 năm 2016 của Bộ xây dựng về việc hướng dẫn hợp đồng trong xây dựng;

Căn cứ vào Giấy chứng nhận số: 1267/GCN-BXD ngày 20/9/2019 của Bộ xây dựng về việc: Chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng thực hiện các phép thử của phòng thí nghiệm Vật liệu Xây dựng - Địa kỹ thuật thuộc công ty TNHH Thiên Trường Yên Bái mang mã hiệu LAS - XD 1867;

Căn cứ vào nhu cầu và năng lực của các bên tham gia dự án.

II- CÁC BÊN KÝ HỢP ĐỒNG

BÊN A : CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ĐỒNG TIẾN

Người đại diện : **Bà Trần Thị Hải** Chức vụ : Giám đốc
Địa chỉ : Tổ 7, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
Điện thoại : 02163.885.468
Mã số thuế : 5200212314
Tài khoản : 37110000008433 tại Ngân hàng BIDV Yên Bái

BÊN B : CÔNG TY TNHH THIÊN TRƯỜNG YÊN BÁI

Người đại diện : **Bà Nguyễn Thị Dụ** Chức vụ : Giám đốc
Trụ sở : Tổ 1, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình - tỉnh Yên Bái
Điện thoại : 0988.868.955
Mã số thuế : 5200 428 602
Tài khoản : 3711 0000 123 691 tại Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam. Chi nhánh huyện Yên Bình

III- NỘI DUNG CỦA HỢP ĐỒNG THÍ NGHIỆM

Hai bên thoả thuận ký kết Hợp đồng công tác thí nghiệm chuyên ngành xây dựng: Gói thầu số 13: Thi công xây dựng công trình kè chống sạt lở bờ sông Hồng (Đoạn qua khu vực Tuần Quán) thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái (Đoạn cọc 28+5,03m đến cọc 54)

Điều 1. Nội dung và chất lượng công việc

1.1 Nội dung công việc cần thí nghiệm:

- + Thí nghiệm vật liệu: Cát các loại; xi măng, đá các loại (Sỏi), cấp phối đá các loại, cấp phối thiên nhiên, thép các loại.
- + Thí nghiệm chỉ tiêu cơ lý của đất đắp và kiểm tra độ chặt (K) hiện trường.
- + Thiết kế thành phần cấp phối bê tông, vữa xây, Thí nghiệm cường độ chịu nén của vữa, bê tông.
- + Các thí nghiệm khác phục vụ gói thầu theo yêu cầu của dự án (Trong chức năng nhiệm vụ của công ty).

1.2 Chất lượng công tác thí nghiệm:

Theo tiêu chuẩn Việt Nam hiện hành và Quy trình, quy phạm thí nghiệm hiện hành của Nhà nước.

Điều 2. Qui định về thời gian thực hiện hợp đồng

Công tác thí nghiệm được thực hiện ngay sau khi hai bên ký hợp đồng và tiến hành thí nghiệm theo thời gian yêu cầu của bên A. (Trong thời gian hợp đồng xây lắp bên A đã ký với Chủ đầu tư).

Thời gian bên B trả kết quả thí nghiệm cho bên A sau khi thí nghiệm xong (theo quy định về thời gian thực hiện thí nghiệm).

Điều 3. Giá trị hợp đồng, hình thức hợp đồng, đơn giá hợp đồng:

Giá trị hợp đồng: Được thống nhất giữa hai bên (A và B), giá trị hợp đồng lấy theo phương thức khoán trọn gói bằng 0.25% giá trị xây lắp chính do bên A thực hiện (Bao gồm VAT = 10%), cụ thể:

Giá trị hợp đồng trọn gói là: $18.856.758.000 \times 0.25\% = 47.141.895$ đồng

Giá trị làm tròn là: 47.000.000 đồng.

Bằng chữ: Bốn mươi bảy triệu đồng chẵn .

Điều 4. Hình thức, cách thức thanh toán và thanh lý hợp đồng

4.1 Hình thức, đồng tiền thanh toán: Bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.

Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng.

4.2 Cách thức thanh toán:

Sau khi hoàn thành các công việc trong hợp đồng, hai bên tiến hành lập biên bản nghiệm thu hợp đồng để làm cơ sở thanh toán hợp đồng. Bên A có trách nhiệm thanh toán số tiền đã thực hiện theo biên bản nghiệm thu hợp đồng cho bên B.

Thời gian thanh toán: Trong vòng 15 ngày kể từ khi có biên bản nghiệm thu hợp đồng.

4.3 Trong quá trình thực hiện có sự thay đổi về khối lượng, giá trị trong hợp đồng xây lắp thì giá trị thí nghiệm không thay đổi.

4.4 Thanh lý hợp đồng: Sau khi hai bên đã thực hiện xong các điều khoản đã ký trong hợp đồng và thanh toán xong giá trị hợp đồng, Sau 15 ngày hai bên không có ý kiến gì thì bản hợp đồng này coi như đã được thanh lý kết thúc hợp đồng đã ký.

Điều 5. Bất khả kháng

5.1 Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra mang tính khách quan và nằm ngoài sự kiểm soát của các bên như: Động đất, bão, lũ lụt, sóng thần, lở đất, hoả hoạn, chiến tranh và các thảm hoạ khác chưa lường hết được, sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của cơ quan có cấp thẩm quyền Việt Nam.

- Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt hợp đồng. Tuy nhiên bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải:

+ Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.

+ Thông báo ngay cho bên kia về sự kiện bất khả kháng xảy ra trong vòng 7 ngày ngay sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

5.2 Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, thời gian thực hiện hợp đồng sẽ được kéo dài bằng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng của mình.

Điều 6. Tạm dừng huỷ bỏ hợp đồng

6.1 Tạm dừng thực hiện hợp đồng: Các trường hợp tạm dừng hợp đồng.

- Do lỗi bên A hoặc bên B
- Các trường hợp bất khả kháng
- Các trường hợp khác (nếu có)

Mỗi bên có quyền quyết định tạm dừng hợp đồng do lỗi của bên kia gây ra, Nhưng phải báo ngay cho bên kia biết bằng văn bản và cùng bàn bạc giải quyết để tiếp tục thực hiện đúng hợp đồng thí nghiệm đã ký, trường hợp bên tạm dừng không thông báo mà tạm dừng gây thiệt hại thì phải bồi thường cho bên thiệt hại.

Thời gian và mức đền bù thiệt hại do tạm dừng hợp đồng do hai bên thoả thuận để khắc phục.

6.2 Huỷ bỏ hợp đồng:

- Mỗi bên có quyền huỷ bỏ hợp đồng và không phải bồi thường thiệt hại khi bên kia vi phạm hợp đồng là điều kiện huỷ bỏ mà các bên đã thoả thuận hoặc pháp luật có quy định. Bên vi phạm phải bồi thường thiệt hại;

- Bên huỷ bỏ hợp đồng phải thông báo ngay cho bên kia biết về việc huỷ bỏ; nếu không thông báo mà gây thiệt hại cho bên kia, thì bên huỷ bỏ hợp đồng phải bồi thường;

- Khi hợp đồng bị huỷ bỏ, thì hợp đồng không có hiệu lực từ thời điểm huỷ bỏ và các bên phải hoàn trả cho nhau tài sản hoặc tiền;

Điều 7. Trách nhiệm và nghĩa vụ của bên A

7.1 Cung cấp các số liệu yêu cầu thí nghiệm, số lượng và trọng lượng của mỗi loại mẫu thí nghiệm cho bên B theo tiêu chuẩn, quy phạm, quy trình hiện hành.

7.2 Kết hợp với kỹ sư tư vấn giám sát thi công và bên B thực hiện trong quá trình: Lấy mẫu thí nghiệm, trong phòng, hiện trường. Bên A chuyển giao cho bên B các mẫu thí nghiệm tại phòng thí nghiệm của bên B; ký xác nhận các kết quả thí nghiệm theo quy định của Nhà nước (nếu có).

7.3 Thanh toán đầy đủ số tiền cho bên B theo những điều khoản đã cam kết trong hợp đồng đã ký giữa hai bên (A-B).

7.4 Có quyền khiếu nại các kết quả thí nghiệm do bên B cung cấp cho bên A nếu không đúng.

Điều 8. Trách nhiệm và nghĩa vụ của bên B:

8.1 Thực hiện theo đúng tiêu chuẩn, quy phạm, quy trình của Nhà nước ban hành về công tác thí nghiệm và nội dung, chất lượng công việc ở điều 1 của hợp đồng.

8.2 Cung cấp báo cáo kết quả thí nghiệm (03 bản) đúng tiêu chuẩn quy định, kịp thời gian theo yêu cầu của bên A.

8.3 Thực hiện các điều khoản đã cam kết trong hợp đồng đã ký giữa hai bên

8.4 Có quyền từ chối mọi yêu cầu cung cấp số liệu kết quả thí nghiệm của bên A nếu như số liệu đó không đúng với yêu cầu tiêu chuẩn, quy phạm, quy trình thí nghiệm của Nhà nước ban hành.

8.5 Sau khi bên A thanh toán xong số tiền theo biên bản nghiệm thu hợp đồng cho bên B, bên B có trách nhiệm phát hành hoá đơn giá trị gia tăng theo quy định của Bộ tài chính.

Điều 9. Tranh chấp và giải quyết tranh chấp hợp đồng

9.1 Trong trường hợp xảy ra tranh chấp hợp đồng, các bên phải có trách nhiệm thương lượng giải quyết.

9.2 Trường hợp không đạt được thoả thuận giữa các bên, việc giải quyết tranh chấp thông qua Toà án kinh tế tỉnh Yên Bái giải quyết theo quy định của Pháp luật. Sự phán quyết của Toà án là quyết định cuối cùng ràng buộc các bên phải thực hiện, trong thời gian chờ đợi giải quyết của Toà án thì hai bên vẫn phải thực hiện những cam kết đã ký trong hợp đồng.

Điều 10. Ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng:

Ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng là tiếng Việt

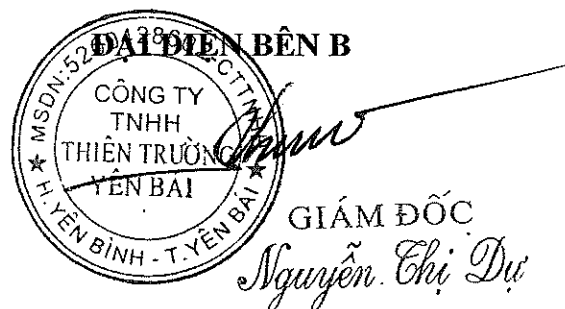
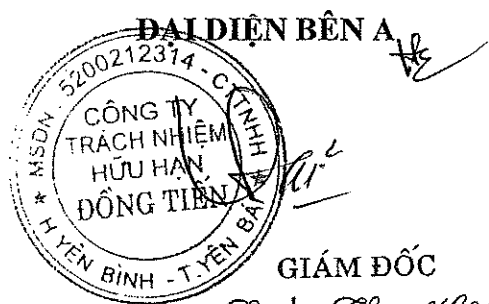
Điều 11. Điều khoản chung:

11.1 Hợp đồng này cũng như tất cả các tài liệu, thông tin liên quan đến hợp đồng sẽ được các bên quản lý theo quy định hiện hành của Nhà nước về bảo mật.

11.2 Hai bên cam kết thực hiện tốt các điều khoản đã thoả thuận trong hợp đồng.

11.3 Hợp đồng này làm thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, bên A giữ 02 bản, bên B giữ 02 bản.

11.4 Hiệu lực của hợp đồng: Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký đến khi thanh lý và thanh toán xong hợp đồng./.



HỢP ĐỒNG THÍ NGHIỆM

SỐ: 1008 /2021/HĐ-TN

Thi công Gói thầu số 12: Thi công xây dựng công trình Kè chống sạt lở một số điểm suối Ngòi Thia và suối Ngòi Hút, tỉnh Yên Bái (Đoạn kè chống sạt lở bờ trái suối Thia, khu vực xã Nghĩa Lợi, thị xã Nghĩa Lộ)

I/- CĂN CỨ ĐỂ KÝ HỢP ĐỒNG:

Luật dân sự số 33/2005/QH11 ngày 14/6/2005;

Luật Xây dựng số 16/2003/QH11 ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Luật số 38/2009/QH12 ngày 19/6/2009 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản;

Nghị định số 48/NĐ-CP ngày 07/5/2010 của Chính phủ về hợp đồng trong hoạt động xây dựng;

Căn cứ thông tư số; 06/2007/TT-BXD ngày 25 tháng 7 năm 2007 Bộ xây dựng hướng dẫn hợp đồng trong xây dựng công trình.

Căn cứ vào Quyết định số: 1267/GCN-BXD ngày 20/9/2019 của Bộ xây dựng về việc: Chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng thực hiện các phép thử của **phòng thí nghiệm Vật liệu Xây dựng - Địa kỹ thuật** thuộc công ty TNHH Thiên Trường Yên Bái mang mã hiệu **LAS - XD 1867**

Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của hai bên;

Hôm nay, ngày 05 tháng 08 năm 2020 tại công ty TNHH Thiên Trường Yên Bái gồm các bên dưới đây:

II/- CÁC BÊN KÝ HỢP ĐỒNG

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐT XD VÀ THƯƠNG MẠI NAM PHONG

- Đại diện là: Ông **Tưởng Đức Cường** Chức vụ: Giám đốc

- Địa chỉ: 168, Đường Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

- Mã số thuế: 0101886095

- Tài khoản: 0031100148008 Ngân hàng: TMCP Quân đội chi nhánh Yên Bái.

- Điện thoại: 043 854 9345

Fax: 043 854 9345

BÊN B : CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THIÊN TRƯỜNG YÊN BÁI

- Đại diện là: Bà **Nguyễn Thị Dự** Chức vụ: Giám đốc

- Địa chỉ: tổ 1, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.

- Mã số thuế: 5200428602.

- Tài khoản: 3711 0000 123691 tại Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam - chi nhánh Yên Bái.

- Điện thoại: 0988 868 955

Fax:

- Giấy phép đăng ký kinh doanh số 5200428620 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Yên Bái cấp ngày 30/6/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 17 tháng 6 năm 2019.

III/- NỘI DUNG CỦA HỢP ĐỒNG THÍ NGHIỆM:

Hai bên cùng thương thảo và đi đến thống nhất ký kết Hợp đồng thí nghiệm phục vụ cho công trình: Gói thầu số 12 Thi công xây dựng công trình Kè chống sạt lở một số điểm suối Ngòi Thia và suối Ngòi Hút, tỉnh Yên Bái (Đoạn kè chống sạt lở bờ trái suối Thia, khu vực xã Nghĩa Lợi, thị xã Nghĩa Lộ) phần công việc do Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại Nam Phong thực hiện và điều khoản như sau:

Điều 1. Nội dung và chất lượng công việc

1.1/ Nội dung công việc cần thí nghiệm:

+ Thí nghiệm vật liệu: Cát các loại; xi măng, đá các loại (Sỏi), cấp phối đá các loại, cấp phối thiên nhiên, thép các loại, vải địa kỹ thuật....

+ Thí nghiệm chỉ tiêu cơ lý của đất đắp và kiểm tra độ chặt (K) hiện trường;

+ Thiết kế thành phần cấp phối bê tông, vữa xây, Thí nghiệm cường độ vữa, bê tông;

+ Các thí nghiệm khác phục vụ gói thầu theo yêu cầu của dự án (Trong chức năng nhiệm vụ của công ty);

1.2/ Chất lượng công tác thí nghiệm:

Theo tiêu chuẩn Việt Nam hiện hành và Quy trình, quy phạm thí nghiệm hiện hành của Nhà nước

Điều 2. Qui định về thời gian thực hiện hợp đồng

Công tác thí nghiệm được thực hiện ngay sau khi hai bên ký hợp đồng và tiến hành thí nghiệm theo thời gian yêu cầu của bên A (trong thời gian hợp đồng xây lắp bên A đã ký với Chủ đầu tư).

Thời gian bên B trả kết quả thí nghiệm cho bên A sau khi thí nghiệm xong (theo quy định về thời gian thực hiện thí nghiệm).

Điều 3. Giá trị hợp đồng, hình thức hợp đồng, đơn giá hợp đồng:

Giá trị hợp đồng: Được thống nhất giữa hai bên (A và B), giá trị hợp đồng lấy theo phương thức khoán trọn gói (0.3% giá trị bên A thực hiện) (Đã bao gồm VAT)

Giá trị hợp đồng trọn gói là: $11.880.516.000 \times 0.3\% \approx 35.640.000$ (đồng)

Bằng chữ: (Ba mươi lăm triệu, sáu trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn)

Điều 4. Hình thức, cách thức thanh toán và thanh lý hợp đồng:

4.1/ Hình thức, đồng tiền thanh toán: Bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.

- Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng

4.2/ Cách thức thanh toán:

- Sau khi ký hợp đồng (A-B) bên A tạm ứng hợp đồng cho bên B với số tiền bằng 30% giá trị hợp đồng đã ký.

- Sau khi hoàn thành các công việc thí nghiệm theo giai đoạn, hai bên tiến hành lập biên bản nghiệm thu làm cơ sở thanh toán theo đợt.

- Sau khi hoàn thành các công việc trong hợp đồng, hai bên tiến hành lập biên bản nghiệm thu hợp đồng để làm cơ sở thanh toán hợp đồng. Bên A có trách nhiệm thanh toán số tiền đã thực hiện theo biên bản nghiệm thu hợp đồng cho bên B.

- Thời gian thanh toán: Trong vòng 15 ngày kể từ khi có biên bản nghiệm thu hợp đồng.

4.3/ Trong quá trình thực hiện có sự thay đổi về khối lượng, giá trị trong hợp đồng xây lắp thì giá trị thí nghiệm không thay đổi.

4.4/ Thanh lý hợp đồng: Sau khi hai bên đã thực hiện xong các điều khoản đã ký trong hợp đồng và thanh toán xong giá trị hợp đồng, Sau 15 ngày hai bên không có ý kiến gì thì bản hợp đồng này coi như đã được thanh lý kết thúc hợp đồng đã ký.

Điều 5. Bất khả kháng:

5.1/ Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra mang tính khách quan và nằm ngoài sự kiểm soát của các bên như: Động đất, bão, lũ lụt, sóng thần, lở đất, hỏa hoạn, chiến tranh và các thảm họa khác chưa lường hết được, sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của cơ quan có cấp thẩm quyền Việt Nam...

- Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt hợp đồng. Tuy nhiên bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải:

+ Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.

+ Thông báo ngay cho bên kia về sự kiện bất khả kháng xảy ra trong vòng 7 ngày ngay sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

5.2/ Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, thời gian thực hiện hợp đồng sẽ được kéo dài bằng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng của mình.

Điều 6. Tạm dừng huỷ bỏ hợp đồng:

6.1/ Tạm dừng thực hiện hợp đồng: Các trường hợp tạm dừng hợp đồng.

- Do lỗi bên A hoặc bên B

- Các trường hợp bất khả kháng

- Các trường hợp khác (nếu có)

Mỗi bên có quyền quyết định tạm dừng hợp đồng do lỗi của bên kia gây ra, Nhưng phải báo ngay cho bên kia biết bằng văn bản và cùng bàn bạc giải quyết để tiếp tục thực hiện đúng hợp đồng thí nghiệm đã ký, trường hợp bên tạm dừng không thông báo mà tạm dừng gây thiệt hại thì phải bồi thường cho bên thiệt hại.

Thời gian và mức đền bù thiệt hại do tạm dừng hợp đồng do hai bên thoả thuận để khắc phục.

6.2/ Huỷ bỏ hợp đồng:

- Mỗi bên có quyền huỷ bỏ hợp đồng và không phải bồi thường thiệt hại khi bên kia vi phạm hợp đồng là điều kiện huỷ bỏ mà các bên đã thoả thuận hoặc pháp luật có quy định. Bên vi phạm phải bồi thường thiệt hại;

- Bên huỷ bỏ hợp đồng phải thông báo ngay cho bên kia biết về việc huỷ bỏ; nếu không thông báo mà gây thiệt hại cho bên kia, thì bên huỷ bỏ hợp đồng phải bồi thường;

- Khi hợp đồng bị huỷ bỏ, thì hợp đồng không có hiệu lực từ thời điểm huỷ bỏ và các bên phải hoàn trả cho nhau tài sản hoặc tiền;

Điều 7. Trách nhiệm và nghĩa vụ của bên A:

7.1/ Cung cấp các số liệu yêu cầu thí nghiệm, số lượng và trọng lượng của mỗi loại mẫu thí nghiệm cho bên B theo tiêu chuẩn, quy phạm, quy trình hiện hành.

7.2/ Kết hợp với kỹ sư tư vấn giám sát thí công và bên B thực hiện trong quá trình: Lấy mẫu thí nghiệm, trong phòng, hiện trường. Bên A chuyển giao cho bên B các mẫu thí nghiệm tại phòng thí nghiệm của bên B; ký xác nhận các kết quả thí nghiệm theo quy định của Nhà nước (nếu có).

7.3/ Thanh toán đầy đủ số tiền cho bên B theo những điều khoản đã cam kết trong hợp đồng đã ký giữa hai bên (A-B).

7.4/ Có quyền khiếu nại các kết quả thí nghiệm do bên B cung cấp cho bên A nếu không đúng.

Điều 8. Trách nhiệm và nghĩa vụ của bên B:

8.1/ Thực hiện theo đúng tiêu chuẩn, quy phạm, quy trình của Nhà nước ban hành về công tác thí nghiệm và nội dung, chất lượng công việc ở điều 1 của hợp đồng.

8.2/ Cung cấp báo cáo kết quả thí nghiệm (03 bản) đúng tiêu chuẩn quy định, kịp thời gian theo yêu cầu của bên A.

8.3/ Thực hiện các điều khoản đã cam kết trong hợp đồng đã ký giữa hai bên

8.4/ Có quyền từ chối mọi yêu cầu cung cấp số liệu kết quả thí nghiệm của bên A nếu như số liệu đó không đúng với yêu cầu tiêu chuẩn, quy phạm, quy trình thí nghiệm của Nhà nước ban hành.

8.5/ Sau khi bên A thanh toán xong số tiền theo biên bản nghiệm thu hợp đồng cho bên B, bên B có trách nhiệm phát hành hoá đơn giá trị gia tăng theo quy định của Bộ tài chính.

Điều 9. Tranh chấp và giải quyết tranh chấp hợp đồng:

9.1/ Trong trường hợp xảy ra tranh chấp hợp đồng, các bên phải có trách nhiệm thương lượng giải quyết.

9.2/ Trường hợp không đạt được thoả thuận giữa các bên, việc giải quyết tranh chấp thông qua Toà án kinh tế tỉnh Yên Bái giải quyết theo quy định của Pháp luật. Sự phán quyết của Toà án là quyết định cuối cùng ràng buộc các bên phải thực hiện, trong thời gian chờ đợi giải quyết của Toà án thì hai bên vẫn phải thực hiện những cam kết đã ký trong hợp đồng.

Điều 10. Ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng:

Ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng là tiếng Việt

Điều 11. Điều khoản chung:

11.1/ Hợp đồng này cũng như tất cả các tài liệu, thông tin liên quan đến hợp đồng sẽ được các bên quản lý theo quy định hiện hành của Nhà nước về bảo mật.

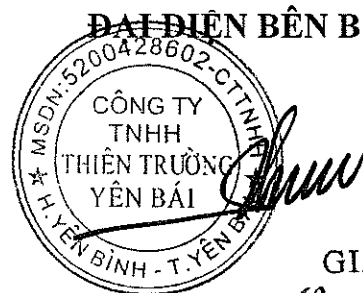
11.2/ Hai bên cam kết thực hiện tốt các điều khoản đã thoả thuận trong hợp đồng.

11.3/ Hợp đồng này làm thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, bên A giữ 02 bản, bên B giữ 02 bản;

11.4/ Hiệu lực của hợp đồng: Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký đến khi thanh lý và thanh toán xong hợp đồng./.



GIÁM ĐỐC
Tường Đức Cường



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Dự

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG

THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

Số: 02/2024/HĐTN

**“Về việc thí nghiệm vật liệu và hiện trường Gói thầu số 09: Thi công xây dựng công trình Xử lý khẩn cấp kè chống sạt lở và chỉnh trị suối Nậm Kim khu vực xã Hồ Bốn, huyện Mường Chà
Phân đoạn Công ty TNHH Đồng Tiến thi công**

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật đấu thầu số 43/2012/QH13 ngày 26/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về Hợp đồng xây dựng; Nghị định số 50/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 02/2023/TT-BXD ngày 03 tháng 3 năm 2023 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng xây dựng.

Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của hai bên.

Hôm nay, ngày 18 tháng 06 năm 2024 chúng tôi gồm có:

1- NHÀ THẦU THI CÔNG (BÊN A)

- Cơ quan: Công ty TNHH Đồng Tiến
- Địa chỉ: tổ 7 thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
- Số tài khoản: 3711 000000 8433 mở tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái.
- Mã số thuế: 5200212314
- Đại diện là Bà: **Trần Thị Hải** - Chức vụ: Giám đốc.

2- NHÀ THẦU THÍ NGHIỆM: (BÊN B)

- Cơ quan: Công ty TNHH Thiên Trường Yên Bái
- Địa chỉ: Tổ 2, phường Yên Thịnh, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái
- Điện thoại: 0988 868 955
- Tài khoản số: 3711 000012 3691 tại Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Yên Bái
- Mã số thuế: 5200428602
- Đại diện là Bà: **Nguyễn Thị Dự** - Chức vụ: Giám đốc.

HAI BÊN THỎA THUẬN KÝ KẾT HỢP ĐỒNG THÍ NGHIỆM VỚI NHỮNG ĐIỀU KHOẢN SAU

ĐIỀU I: Nội dung công việc và thời hạn của hợp đồng:

1/. Bên B nhận thí nghiệm vật liệu và hiện trường Gói thầu số 09: Thi công xây dựng công trình Xử lý khẩn cấp kè chống sạt lở và chỉnh trị suối Nậm Kim khu vực xã Hồ Bốn, huyện Mường Chải – Phân đoạn Công ty TNHH Đồng Tiến thi công, với các công việc thí nghiệm sau:

- Thí nghiệm xi măng, cát, đá dăm các loại, nhựa đường ...; thiết kế mác Bê tông, mác vữa các loại.

- Trích mẫu và Ép mẫu xác định cường độ bê tông.

- Xác định γ_{max} của các mỏ đất.

- Kiểm tra độ chặt nền đất $K=0,95$; $K=0,98$ bằng phễu rót cát theo từng lớp.

- Thí nghiệm cường độ thép các loại đưa vào xây dựng công trình.

- Làm các thí nghiệm trên công trình theo yêu cầu của bên A.

2/. Thời hạn thực hiện hợp đồng: Từ khởi công đến khi kết thúc (theo tiến độ thi công).

ĐIỀU II : Trách nhiệm A và B

1/ Trách nhiệm của bên A.

- Cung cấp đầy đủ và kịp thời cho B hồ sơ thiết kế, chủng loại vật liệu, mỏ đất và mỏ đá để làm thí nghiệm được tư vấn chấp thuận.

- Thông báo kịp thời cho B các thay đổi về quy mô và các tiêu chuẩn kỹ thuật, tiến độ hoặc các thay đổi khác có liên quan đến thí nghiệm dự án.

- Bên A bố trí phương tiện vận tải để phục vụ thí nghiệm tại hiện trường.

2/ Trách nhiệm của bên B.

- Bố trí thiết bị, dụng cụ và cán bộ thí nghiệm phục vụ cho công việc tại hiện trường và thí nghiệm trong phòng đầy đủ, kịp thời các yêu cầu theo tiến độ thi công của bên A. Chịu trách nhiệm về số liệu tính toán của thí nghiệm trước Bên A và Pháp luật Nhà nước.

- Thực hiện các thí nghiệm theo yêu cầu của dự án và qui trình qui phạm hiện hành. Lập biểu bảng về kết quả thí nghiệm để phục vụ thanh quyết toán và lưu hồ sơ hoàn công.

ĐIỀU III: Giá trị của hợp đồng.

- Giá trị hợp đồng: Được tính là **0,25 %** Tổng giá trị xây lắp.

Cụ thể: **19.585.000.000 x 0,25% = 48.960.000**, (Đã bao gồm VAT 10%)

(Bốn mươi tám triệu, chín trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn)

- Thời gian thanh toán làm 2 đợt:

+ Đợt 1 bên A thanh toán 50% giá trị hợp đồng sau khi bên B giao kết quả thí nghiệm lần đầu.

+ Đợt 2 bên A thanh toán khi bên B giao các thí nghiệm khác để lập hồ sơ hoàn công.

- Hình thức thanh toán: Bằng chuyển khoản.

ĐIỀU IV: Các điều kiện khác.

Hai bên cam kết thực hiện các điều khoản trên, trong quá trình thực hiện có vướng mắc hai bên gặp nhau bàn bạc thương lượng giải quyết. Nếu bên nào vi phạm phải bồi thường theo quy định của pháp luật. Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày ký và được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A
Giám đốc


Trần Thị Hải

ĐẠI DIỆN BÊN B
Giám đốc


Nguyễn Thị Dự

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập- Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG THÍ NGHIỆM

Số: 0209/2024/HĐ-TN

Phục vụ thi công xây dựng công trình: Gói thầu số 07: Thi công xây dựng công trình Khắc phục khẩn cấp các tuyến đường giao thông xã Hồ Bốn, huyện Mù Cang Chải.

I. CĂN CỨ ĐỂ KÝ HỢP ĐỒNG.

Căn cứ luật Dân sự nước CHXHCN Việt Nam số 91/2015/QH XIII ngày 24/11/2015 có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

Căn cứ Luật Xây Dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 05 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Căn cứ vào thông tư số: 09/2016/TT-BXD ngày 10 tháng 03 năm 2016 của Bộ xây dựng về việc hướng dẫn hợp đồng trong xây dựng;

Căn cứ vào Giấy chứng nhận số 2740/GCN-SXD ngày 15/11/2023 của Sở xây dựng về việc: Chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng thực hiện các phép thử của phòng thí nghiệm Vật liệu Xây dựng - Địa kỹ thuật thuộc công ty TNHH Thiên Trường Yên Bái mang mã hiệu LAS - XD 63.005;

Căn cứ vào nhu cầu và năng lực của các bên tham gia dự án.

Hôm nay, ngày 02 tháng 09 năm 2024 tại Công ty cổ phần đầu tư và phát triển hạ tầng Tây Bắc gồm các bên dưới đây:

II. CÁC BÊN KÝ HỢP ĐỒNG.

1. BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG TÂY BẮC.

- Đại diện là: Ông **Dur Tuấn Hạnh** Chức vụ: Giám đốc

- Địa chỉ: Số 2B, ngõ 190 đường Nguyễn Trãi, phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

- Mã số thuế: 0102905488

- Tài khoản: 8201102482004 tại Ngân hàng TMCP Quân Đội – CN Mỹ Đình.

- Điện thoại: ; Fax:

2. BÊN B: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THIÊN TRƯỜNG YÊN BÁI.

- Đại diện là: Bà **Nguyễn Thị Dư** Chức vụ: Giám đốc

- Địa chỉ: tổ 1, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.

- Mã số thuế: 5200428602.

- Tài khoản: 3711 0000 123691 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - chi nhánh Yên Bái.

- Điện thoại: 0948 353 777 Fax:

III. NỘI DUNG CỦA HỢP ĐỒNG THÍ NGHIỆM.

Hai bên thoả thuận ký kết Hợp đồng thực hiện công tác thí nghiệm vật liệu và thí nghiệm hiện trường trong quá trình thi công xây dựng công trình **Gói thầu số 07: Thi công xây dựng công trình Khắc phục khẩn cấp các tuyến đường giao thông xã Hồ Bốn, huyện Mù Cang Chải**, với các điều khoản như sau:

Điều 1. Nội dung và chất lượng công việc:

1.1. Nội dung công việc cần thí nghiệm:

+ Thí nghiệm vật liệu: Cát các loại; xi măng, đá xây dựng các loại; cấp phối đá các loại; cấp phối thiên nhiên; thép các loại; thép hình, thép ống, bitum, nhựa đường, matit, ống nhựa HDPE, PVC, và các loại vật liệu khác có sử dụng trong xây dựng công trình ... xác định các chỉ tiêu cơ bản của các loại vật liệu nêu trên để phục vụ thi công xây dựng công trình.

+ Thí nghiệm các chỉ số cơ bản của đất để đắp; phân loại đất, đá; kiểm tra dung trọng khô và kiểm tra độ chặt (K) hiện trường;

+ Thiết kế thành phần cấp phối các loại bê tông nhựa; bê tông xi măng; bê tông xi măng đối với dầm cầu dự ứng lực; vữa xây có sử dụng trong xây dựng công trình; Thí nghiệm xác định cường độ các loại bê tông, vữa xây trong quá trình thi công và các công tác thí nghiệm liên quan;

+ Các thí nghiệm khắc phục vụ thi công, kiểm tra chất lượng công trình theo quy định hiện hành của Nhà nước (Trong chức năng nhiệm vụ của công ty);

1.2. Chất lượng công tác thí nghiệm:

Theo tiêu chuẩn Việt Nam hiện hành và Quy trình, quy phạm thí nghiệm hiện hành của Nhà nước.

Điều 2. Qui định về thời gian thực hiện hợp đồng:

Công tác thí nghiệm được thực hiện ngay sau khi hai bên ký hợp đồng và tiến hành thí nghiệm theo thời gian yêu cầu của bên A (trong thời gian hợp đồng xây lắp bên A đã ký với Chủ đầu tư).

Thời gian bên B trả kết quả thí nghiệm cho bên A sau khi thí nghiệm xong: theo quy định về thời gian thực hiện thí nghiệm.

Điều 3. Giá trị hợp đồng, hình thức hợp đồng, đơn giá hợp đồng:

Giá trị hợp đồng: Được thống nhất giữa hai bên (A và B), giá trị hợp đồng lấy theo phương thức khoán trọn gói bằng 0.3% giá trị công việc xây lắp trực tiếp chính do bên A thực hiện (Bao gồm VAT), cụ thể:

Giá trị hợp đồng trọn gói là: $18.500.000.000 \times 0.25\% = 46.250.000$ đồng.

Bằng chữ: Bốn mươi sáu triệu, năm trăm mười lăm nghìn đồng chẵn.

Điều 4. Hình thức, cách thức thanh toán và thanh lý hợp đồng:

4.1. Hình thức, đồng tiền thanh toán:

- Hình thức thanh toán: Bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.

- Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng

4.2. Cách thức thanh toán:

- Sau khi ký hợp đồng (A-B) bên A tạm ứng hợp đồng cho bên B với số tiền bằng 30% giá trị hợp đồng đã ký.

- Sau khi hoàn thành các công việc thí nghiệm theo giai đoạn, hai bên tiến hành lập biên bản nghiệm thu làm cơ sở thanh toán theo đợt.

- Sau khi hoàn thành các công việc trong hợp đồng, hai bên tiến hành lập biên bản nghiệm thu hợp đồng để làm cơ sở thanh toán hợp đồng. Bên A có trách nhiệm thanh toán số tiền đã thực hiện theo biên bản nghiệm thu hợp đồng cho bên B.

- Thời gian thanh toán: Trong vòng 15 ngày kể từ khi có biên bản nghiệm thu.

4.3. Trong quá trình thực hiện nếu có sự thay đổi về khối lượng, giá trị trong hợp đồng xây lắp giữa bên A với Chủ đầu tư thì giá trị thí nghiệm không thay đổi.

4.4. Thanh lý hợp đồng: Khi hai bên đã thực hiện xong các nghĩa vụ theo các điều khoản đã ký trong hợp đồng và thanh toán xong giá trị hợp đồng, thì sau 15 ngày nếu hai bên không có ý kiến gì thì bản hợp đồng này coi như đã được thanh lý kết thúc hợp đồng đã ký.

Điều 5. Bất khả kháng:

5.1. Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra mang tính khách quan và nằm ngoài sự kiểm soát của các bên như: Động đất, bão, lũ lụt, sóng thần, lở đất, hoả hoạn, chiến tranh và các thảm họa khác chưa lường hết được, sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của cơ quan có cấp thẩm quyền Việt Nam...

- Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt hợp đồng. Tuy nhiên bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải:

+ Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.

+ Thông báo ngay cho bên kia về sự kiện bất khả kháng xảy ra trong vòng 7 ngày ngay sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

5.2. Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, thời gian thực hiện hợp đồng sẽ được kéo dài bằng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng của mình.

Điều 6. Tạm dừng huỷ bỏ hợp đồng:

6.1. Tạm dừng thực hiện hợp đồng:

Các trường hợp tạm dừng hợp đồng:

- Do lỗi bên A hoặc bên B.

- Các trường hợp bất khả kháng.

- Các trường hợp khác (nếu có)

Mỗi bên có quyền quyết định tạm dừng hợp đồng do lỗi của bên kia gây ra, Nhưng phải báo ngay cho bên kia biết bằng văn bản và cùng bàn bạc giải quyết để tiếp tục thực hiện đúng hợp đồng thí nghiệm đã ký, trường hợp bên tạm dừng không thông báo mà tạm dừng gây thiệt hại thì phải bồi thường cho bên thiệt hại.

Thời gian và mức đền bù thiệt hại do tạm dừng hợp đồng do hai bên thoả thuận để khắc phục.

6.2. Huỷ bỏ hợp đồng:

- Mỗi bên có quyền huỷ bỏ hợp đồng và không phải bồi thường thiệt hại khi bên kia vi phạm hợp đồng là điều kiện huỷ bỏ mà các bên đã thoả thuận hoặc pháp luật có quy định. Bên vi phạm phải bồi thường thiệt hại;

- Bên huỷ bỏ hợp đồng phải thông báo ngay cho bên kia biết về việc huỷ bỏ; nếu không thông báo mà gây thiệt hại cho bên kia, thì bên huỷ bỏ hợp đồng phải bồi thường;

- Khi hợp đồng bị huỷ bỏ, thì hợp đồng không có hiệu lực từ thời điểm huỷ bỏ và các bên phải hoàn trả cho nhau tài sản hoặc tiền;

Điều 7. Trách nhiệm và nghĩa vụ của bên A:

7.1. Cung cấp các số liệu yêu cầu thí nghiệm, số lượng và trọng lượng của mỗi loại mẫu thí nghiệm cho bên B theo tiêu chuẩn, quy phạm, quy trình hiện hành.

7.2. Kết hợp với kỹ sư tư vấn giám sát thí công và bên B thực hiện quá trình: Lấy mẫu thí nghiệm, trong phòng, hiện trường. Bên A chuyển giao cho bên B các mẫu thí nghiệm tại phòng thí nghiệm của bên B; ký xác nhận các kết quả thí nghiệm theo quy định của Nhà nước (nếu có).

7.3. Thanh toán đầy đủ số tiền cho bên B theo những điều khoản đã cam kết trong hợp đồng đã ký giữa hai bên (A-B).

7.4. Có quyền khiếu nại các kết quả thí nghiệm do bên B cung cấp cho bên A nếu không đúng.

Điều 8. Trách nhiệm và nghĩa vụ của bên B:

8.1. Thực hiện theo đúng tiêu chuẩn, quy phạm, quy trình hiện hành của Nhà nước ban hành về công tác thí nghiệm và nội dung, chất lượng công việc ở điều 1 của hợp đồng.

8.2. Cung cấp báo cáo kết quả thí nghiệm (07 bản) đúng tiêu chuẩn quy định, kịp thời gian theo yêu cầu của bên A.

8.3. Thực hiện các điều khoản đã cam kết trong hợp đồng đã ký giữa hai bên

8.4. Có quyền từ chối mọi yêu cầu cung cấp số liệu kết quả thí nghiệm của bên A nếu như số liệu đó không đúng với yêu cầu tiêu chuẩn, quy phạm, quy trình thí nghiệm của Nhà nước ban hành.

8.5. Sau khi bên A thanh toán xong số tiền theo biên bản nghiệm thu hợp đồng cho bên B, bên B có trách nhiệm phát hành hoá đơn giá trị gia tăng theo quy định của Bộ tài chính.

Điều 9. Tranh chấp và giải quyết tranh chấp hợp đồng:

9.1. Trong trường hợp xảy ra tranh chấp hợp đồng, các bên phải có trách nhiệm thương lượng giải quyết.

9.2/ Trường hợp không đạt được thoả thuận giữa các bên, việc giải quyết tranh chấp thông qua Toà án kinh tế tỉnh Yên Bái giải quyết theo quy định của Pháp luật. Sự phán quyết của Toà án là quyết định cuối cùng ràng buộc các bên phải thực hiện, trong thời gian chờ đợi giải quyết của Toà án thì hai bên vẫn phải thực hiện những cam kết đã ký trong hợp đồng.

Điều 10. Ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng:

Ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng là tiếng Việt

Điều 11. Điều khoản chung:

11.1. Hợp đồng này cũng như tất cả các tài liệu, thông tin liên quan đến hợp đồng sẽ được các bên quản lý theo quy định hiện hành của Nhà nước về bảo mật.

11.2. Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã thoả thuận trong hợp đồng.

11.3. Hợp đồng này làm thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, bên A giữ 02 bản, bên B giữ 02 bản;

11.4. Hiệu lực của hợp đồng: Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký đến khi thanh lý và thanh toán xong hợp đồng./.


ĐẠI DIỆN BÊN A
GIÁM ĐỐC
Dư Tuấn Hạnh


ĐẠI DIỆN BÊN B
GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Dự

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: 12/2023/HĐKT

(V/V: Thí nghiệm vật liệu xây dựng trong phòng và hiện trường)

Công trình: Thi công xây dựng công trình kè chống sạt lở bờ Sông Hồng khu vực Cổ Phúc, huyện Trấn Yên và khu vực phường Hợp Minh thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái (Hạng mục kè Hợp Minh)

Căn cứ Luật xây dựng số 16/2003/QH11 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 10/12/2003 có hiệu lực từ ngày 01/7/2004;

Căn cứ Nghị định số 16/2005/ND-CP ngày 07/02/2005 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 112/2006/NĐ-CP ngày 29/09/2006 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 16/2005/NĐCP ngày 07/02/2005;

Căn cứ Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ về việc quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2007/TT/BXD ngày 25/07/2007 của Bộ xây dựng về việc hướng dẫn hợp đồng trong hoạt động xây dựng.

Căn cứ hồ sơ công trình: Kè chống sạt lở bờ Sông Hồng khu vực Cổ Phúc, huyện Trấn Yên và khu vực phường Hợp Minh thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái (Hạng mục kè Hợp Minh)

Hôm nay, ngày 25 tháng 12 năm 2023 tại Văn phòng Công ty cổ phần xây dựng giao thông Hồng Hà chúng tôi gồm có: Bên giao thầu được gọi tắt là bên A, bên nhận thầu gọi tắt là bên B.

BÊN A : CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GIAO THÔNG HỒNG HÀ

Đại diện bởi : (Ông) **Nguyễn Minh Giang** Chức vụ: **Giám đốc**

Địa chỉ : Số nhà 07, tổ 38, khu Lãng Cẩm, phường Gia Cẩm - thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

Điện thoại : 0913760818

Mã số thuế : 2600875173

Tài khoản : 42110000200747 tại NH BIDV tỉnh Phú Thọ

BÊN B: : CÔNG TY TNHH THIÊN TRƯỜNG YÊN BÁI

Đại diện bởi : (Bà) **Nguyễn Thị Dụ** Chức vụ: **Giám đốc**

Địa chỉ : Tổ 2, phường Yên Thịnh, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

Điện thoại : 0988.868.955

Mã số thuế : 5200428602

Số tài khoản: 37110000123691 tại Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) – Chi nhánh Yên Bái.

Hai bên cùng thương thảo và đi đến thống nhất ký kết hợp đồng thí nghiệm cho phần công việc Căn cứ hồ sơ công trình: Kè chống sạt lở bờ Sông Hồng khu vực Cổ Phúc, huyện Trấn Yên và khu vực phường Hợp Minh thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái (Hạng mục kè Hợp Minh)

Với các điều kiện và điều khoản như sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG CÔNG VIỆC:

1.1. Theo Hợp đồng này bên A giao cho bên B thực hiện các công việc đáp ứng tất cả các yêu cầu thí nghiệm và tuân thủ đúng, đầy đủ các yêu cầu kỹ thuật, chỉ dẫn kỹ thuật của công trình, các quy định, quy trình hiện hành của Nhà nước Việt Nam về thí nghiệm vật liệu xây dựng.

1.2. Phạm vi công việc chính bao gồm những công việc sau:

Kiểm tra, thí nghiệm chất lượng vật liệu đầu vào sử dụng cho công trình: Kè chống sạt lở bờ Sông Hồng khu vực Cổ Phúc, huyện Trấn Yên và khu vực phường Hợp Minh thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái (Hạng mục kè Hợp Minh)

Kiểm tra chất lượng vật liệu theo các phương pháp thử quy định.

ĐIỀU 2: THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ HỒ SƠ GIAO NỘP:

2.1. Thời gian thực hiện hợp đồng:

- Hợp đồng được thực hiện ngay sau khi hợp đồng được ký kết.
- Thời gian kết thúc: Sau khi bên A hoàn thành và bàn giao Công trình. Dự kiến là 540 ngày kể từ ngày hợp đồng được ký kết. Nếu quá thời gian trên hai bên sẽ tiến hành bàn bạc ký phụ lục hợp đồng bổ xung .

2.2. Hồ sơ giao nộp:

- Số lượng hồ sơ: Hồ sơ thí nghiệm được lập thành 08 bộ. Trong đó 01 bộ gốc lưu tại Phòng thí nghiệm và 07 bộ được Photo có dấu xác nhận thẩm quyền của bên B.
- Giao nộp hồ sơ: Bên B bàn giao cho bên A 07 bộ hồ sơ thí nghiệm.

ĐIỀU 3: GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG VÀ THANH TOÁN:

3.1. Giá trị hợp đồng:

- Giá trị hợp đồng được tính bằng 0,3% giá trị xây lắp trước thuế của gói thầu:

$$20.055.723.000 \times 0,3\% = 60.167.000 \text{ (VNĐ)}$$

Bằng chữ: Sáu mươi triệu, một trăm sáu bảy nghìn đồng chẵn.

(Giá trên đã bao gồm thuế VAT)

3.2. Tạm ứng hợp đồng:

- Tạm ứng: Bên A sẽ tạm ứng cho bên B số tiền theo giai đoạn hoàn thành từng hạng mục công trình.

3.3. Thanh toán:

- Hồ sơ thanh toán được lập thành 02 bộ, bên A giữ 01 bộ, bên B giữ 01 bộ và bao gồm giấy đề nghị thanh toán.
- Thời hạn thanh toán được thực hiện theo các đợt bàn giao hồ sơ tài liệu giữa hai bên.

3.4. Thanh lý hợp đồng:

- Sau khi công trình thực hiện xong theo hợp đồng, 2 bên cùng nhau làm thanh lý và bên A thanh toán cho bên B hết 100% giá trị hợp đồng và bên B xuất hoá đơn tài chính.

3.5. Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng.

3.6. Hình thức thanh toán: Bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.

ĐIỀU 4: TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

4.1. Trách nhiệm của bên A:

- Thanh toán các khoản phải thanh toán cho bên B theo đúng quy định của hợp đồng.
- Cung cấp cho bên B các tài liệu cần thiết liên quan đến việc thực hiện các công việc theo hợp đồng này.
- Cử cán bộ có thẩm quyền giám sát, giải quyết các vướng mắc và phối hợp cùng với bên B trong việc nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành.
- Phối hợp chặt chẽ với bên B để giúp bên B hoàn thành các thủ tục liên quan với các bên liên quan.
- Tổ chức công việc hợp lý để không ảnh hưởng tới công việc của bên B trên công trường.

4.2. Trách nhiệm của bên B:

- Thực hiện, hoàn thành kịp thời, đúng tiến độ các công việc theo yêu cầu của hợp đồng, yêu cầu của bên A tại hiện trường.
- Cử đủ cán bộ, nhân viên có năng lực để đảm bảo thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát chất lượng vật liệu cho công trình. Trong đó chỉ định một cá nhân có đủ thẩm quyền, tiêu chuẩn thay mặt bên B tại hiện trường để tiếp nhận các yêu cầu từ bên A. Cung cấp đầy đủ, kịp thời các kết quả thí nghiệm, kiểm tra chất lượng vật liệu theo yêu cầu của bên A dựa trên hồ sơ kỹ thuật của công trình.
- Các kết quả thí nghiệm, kiểm tra chất lượng vật liệu phải đảm bảo chính xác và theo đúng quy trình, phương pháp thí nghiệm.

- Hồ sơ thí nghiệm bảo đảm chất lượng và tuân thủ các quy định hiện hành của công trình và Nhà nước Việt Nam.

ĐIỀU 5: TRANH CHẤP VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

- 5.1. Trong trường hợp xảy ra tranh chấp hợp đồng, các bên sẽ tự thương lượng để cùng giải quyết tranh chấp.
- 5.2. Trong trường hợp các bên không đạt được thoả thuận, việc giải quyết tranh chấp sẽ thông qua hoà giải, trọng tài kinh tế hoặc toà án giải quyết theo quy định của pháp luật Việt Nam. Bên thua sẽ phải thanh toán án phí.

ĐIỀU 6: BẤT KHẢ KHÁNG

- 6.1. Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên như: Động đất, bão, lũ, lụt, lốc, lở đất, hoả hoạn... và các thảm hoạ khác chưa lường hết được, sự thay đổi chính sách của Nhà nước... Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng, thời gian thực hiện hợp đồng sẽ được kéo dài bằng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng của mình.
- 6.2. Hai bên cố gắng để giải quyết trường hợp bất khả kháng trong thời gian nhanh nhất. Nếu tình trạng bất khả kháng không thể giải quyết được hai bên phải ngay lập tức gặp gỡ và tìm giải pháp giải quyết có tính đến quyền lợi của hai bên.

ĐIỀU 7: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- 7.1. Hai bên cam kết thực hiện đúng, đầy đủ các điều khoản đã ghi trong hợp đồng này.
- 7.2. Hợp đồng này cũng như các tài liệu, thông tin liên quan đến hợp đồng sẽ được các bên quản lý theo quy định hiện hành về bảo mật.
- 7.3. Hợp đồng có giá trị từ ngày ký và kết thúc khi hai bên hoàn thành nghĩa vụ của mình đã ghi trong hợp đồng.
- 7.4. Hợp đồng được thành lập 04 bản, có giá trị pháp lý ngang nhau, mỗi bên giữ 02 bản để thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A



CHỦ TỊCH HĐQT - GIÁM ĐỐC
Nguyễn Minh Giang

ĐẠI DIỆN BÊN B



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Dự